

**CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÂN LÂN NUNG CHÁY VĂN ĐIỀN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 135/CBTT-PLVD

Hà Nội, ngày 14 tháng 3 năm 2022

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
- Quý cổ đông

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN LÂN NUNG CHÁY VĂN ĐIỀN

Mã chứng khoán: VAF

Địa chỉ: Đường Phan Trọng Tuệ, xã Tam Hiệp, huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội

Mã số doanh nghiệp: 0100103143

Điện thoại: 0243.6884489

Fax: 0243.6884277

Người đại diện theo pháp luật: Văn Hồng Sơn – Tổng Giám đốc

Loại thông tin công bố: 24 giờ; 72 giờ; bất thường; theo yêu cầu; định kỳ

Nội dung báo cáo và công bố thông tin: Báo cáo thường niên năm 2021 được lập theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại đường dẫn vandienfmp.vn/tin-co-dong.

Công ty chúng tôi xin cam kết thông tin được báo cáo và công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã báo cáo và công bố.

Tài liệu kèm theo:

- Báo cáo thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điền.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS (b/c);
- Người được UQCBTT;
- Lưu Thư ký, VT.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Văn Hồng Sơn

Số: 134 /BC-PLVĐ

Hà Nội, ngày 14 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

I- Thông tin chung

1- Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điền;
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100103143; đăng ký lần đầu ngày 29/12/2009, đăng ký thay đổi lần 9 ngày 03/3/2022;
 - Vốn điều lệ: 376.653.480.000 đồng (ba trăm bảy mươi sáu tỷ, sáu trăm năm mươi ba triệu, bốn trăm tám mươi nghìn đồng);
 - Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2018: 376.653.480.000 đồng (ba trăm bảy mươi sáu tỷ, sáu trăm năm mươi ba triệu, bốn trăm tám mươi nghìn đồng);
 - Địa chỉ: Đường Phan Trọng Tuệ, xã Tam Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội;
 - Số điện thoại: 0243.6884489/6885174;
 - Số fax: 0243.6884277;
 - Website: vandienfmp.vn;
 - Mã cổ phiếu: VAF.
 - Quá trình hình thành và phát triển:
 - Từ năm 1963 đến năm 2009: Là doanh nghiệp Nhà nước thuộc Tập đoàn Hóa chất Việt Nam;
 - Từ 01/01/2010 đến nay: Là Công ty cổ phần đại chúng quy mô lớn;
 - Niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh:
 - + Ngày niêm yết có hiệu lực: 21/5/2015;
 - + Ngày chính thức giao dịch: 23/6/2015.
- 2- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:
- Ngành nghề kinh doanh chính (chiếm tỷ trọng trên 10% tổng doanh thu trong 2 năm gần nhất): Sản xuất kinh doanh phân lân nung chảy và các loại phân NPK; *AN*

- Địa bàn kinh doanh chính (chiếm tỷ trọng trên 10% tổng doanh thu trong 2 năm gần nhất): Trong nước.

3- Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

3.1- Mô hình quản trị:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Tổng Giám đốc điều hành.

3.2- Người đại diện theo pháp luật: Tổng Giám đốc điều hành.

3.3- Các công ty con, công ty liên kết: không có

4- Định hướng phát triển:

4.1- Mục tiêu chính của Công ty:

Phát triển bền vững, đảm bảo hài hòa giữa lợi ích Nhà nước-Cổ đông-Người lao động.

4.2- Chiến lược phát triển trung và dài hạn của Công ty:

- Chú trọng nhân tố con người;
- Tập trung đầu tư khoa học công nghệ, không ngừng tăng năng suất lao động, nâng suất máy móc thiết bị, nâng cao chất lượng sản phẩm và đảm bảo an toàn lao động, đảm bảo môi trường;
- Nâng công suất sản xuất, đạt 500.000 tấn lân nung chảy/năm và 200.000 tấn NPK/năm;
- Sản xuất các sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu thị trường;
- Giữ vững và phát triển thị trường trong nước; từng bước mở rộng thị trường nước ngoài.

4.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

- Thực hiện đúng các quy định về môi trường; tuyên truyền, giáo dục người lao động để cải thiện môi trường;
- Tích cực tham gia, hưởng ứng các phong trào xã hội, từ thiện;
- Đảm bảo việc làm, thu nhập, cải thiện điều kiện làm việc, đời sống tinh thần, thực hiện đúng các chế độ đối với người lao động.

5- Các rủi ro:

- Rủi ro về cơ chế, chính sách của Nhà nước: Cơ chế, chính sách của Nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp, phân bón... (quy hoạch, cơ cấu ngành nông nghiệp, thuế, xuất nhập khẩu, xử lý phân bón rơm rạ, ...) có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Rủi ro về thiên tai: Khi thiên tai xảy ra sẽ làm giảm nhu cầu sử dụng phân bón, giảm khả năng đầu tư phân bón của nông dân;
- Rủi ro về giá nông sản: Khi giá nông sản giảm sẽ làm giảm nhu cầu sử dụng phân bón, giảm khả năng đầu tư phân bón của nông dân. *AM*

- Rủi ro về dịch bệnh: Khi xảy ra dịch bệnh làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, thậm chí phải tạm dừng sản xuất, đóng cửa ... để chung tay phòng và chống dịch.

II- Tình hình hoạt động trong năm 2021

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1- Khó khăn:

+ Tiếp nối những khó khăn của năm 2020, ngay từ những tháng đầu năm 2021, tình hình sản xuất kinh doanh của ngành phân bón, cũng như của Công ty Cổ phần phân lân nung chảy Văn Điển tiếp tục bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid diễn biến rất phức tạp, làm hạn chế lưu thông hàng hóa, khó tiếp cận khách hàng để làm thị trường do giãn cách xã hội;

+ Tình trạng khan hiếm nguồn nguyên – nhiên - vật liệu, đẩy giá vật tư đầu vào tăng cao làm tăng các loại chi phí khác, trong khi nông sản của bà con nông dân khó tiêu thụ, giá nông sản vẫn còn ở mức rất thấp, bà con nông dân thiếu vốn để đầu tư phân bón vào sản xuất, thêm vào đó là sự cạnh tranh gay gắt của các sản phẩm phân bón trong nước, đặc biệt là các đơn vị nhỏ lẻ ở các địa phương với giá bán, cơ chế rất linh hoạt thậm chí không tuân thủ theo các quy định của Nhà nước về sản xuất kinh doanh phân bón;

+ Thiếu hụt lao động nghiêm trọng, tình trạng thiếu lao động dẫn tới người lao động phải làm thêm giờ nhiều, trong khi số lao động mới còn thiếu kinh nghiệm, chưa thích ứng với yêu cầu công việc, đòi hỏi phải có thời gian để đào tạo;

+ Áp lực tài chính ngày càng cao do hàng tháng Công ty phải thanh toán tiền ngay khi mua vật tư, nguyên nhiên liệu về phục vụ sản xuất như than, điện (trước đây được chậm thanh toán) & các khoản bảo hiểm XH-YT-KPCĐ, thuế đất, cước vận chuyển... làm ảnh hưởng đến nguồn tài chính của Công ty.

1.2- Thuận lợi:

- Sản phẩm phân bón của Công ty có thương hiệu trên thị trường trong và ngoài nước;
- Công ty có bề dày trên 50 năm sản xuất phân bón; đội ngũ cán bộ công nhân có kinh nghiệm, trình độ, tay nghề;
- Các hạng mục đầu tư khoa học công nghệ của Công ty từ các năm trước tiếp tục phát huy hiệu quả; sản phẩm của Công ty luôn đảm bảo chất lượng tốt, có thương hiệu, là sản phẩm phân bón được người tiêu dùng tin nhiệm & các cơ quan quản lý Nhà nước đánh giá cao, phù hợp với thổ nhưỡng và các loại cây trồng trong cả nước.

1.3- Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chính của Công ty trong năm 2021

Trong bối cảnh nêu trên, Công ty đã thực hiện các giải pháp chính như sau:

- Kiện toàn nhân sự cán bộ điều hành;
- Ổn định tư tưởng người lao động;
- Duy trì lượng nguyên nhiên vật liệu dự phòng cho sản xuất ở mức tối thiểu;
- Tiết giảm chi phí trong sản xuất kinh doanh;
- Đầu tư khoa học kỹ thuật, cải tiến máy móc thiết bị để tăng năng suất, đảm bảo chất lượng sản phẩm, giảm lao động;
- Sản xuất kinh doanh các sản phẩm mới theo nhu cầu thị trường; *sh*

- Tăng cường các biện pháp tiếp thị; phát triển và mở rộng thị trường tiêu thụ;
- Xây dựng cơ chế bán hàng linh hoạt, phù hợp từng thời điểm của thị trường, từng đối tượng khách hàng.

Bằng các giải pháp như trên, trong năm 2021 Công ty đã đạt được các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chính như sau:

TT	Chỉ tiêu chính	ĐVT	Thực hiện 2020	KH ĐHĐCĐ 2021	Thực hiện 2021	So sánh (%)	
						TH/K H	21/20
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	748,123	780,000	839,036	108	112
2	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	15,065	14,547	17,847	123	118
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	27,287	30,000	35,013	117	128
4	Sản lượng sản xuất	Tấn	227.304	236.500	245.530	104	108
4.1	Phân lân	Tấn	192.020	200.000	211.186	106	110
4.2	Phân Supetecmo	Tấn	-	-	-		
4.3	Phân NPK các loại	Tấn	35.284	36.500	34.344	94	97
5	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	225.931	236.500	242.085	102	107
5.1	Phân lân	Tấn	191.192	200.000	203.917	102	107
5.2	Phân Supetecmo	Tấn	3	-	-	-	-
5.3	Phân NPK các loại	Tấn	34.736	36.500	38.168	105	110

Nhận xét: Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chính trong năm 2021 đạt và vượt so với kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao.

2- Tổ chức và nhân sự:

2.1- Danh sách Ban Tổng giám đốc và Phụ trách kế toán:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (%)	Ghi chú
1	Văn Hồng Sơn	Tổng giám đốc	0,04	
2	Phạm Quang Trung	Phó Tổng giám đốc	0,01	
3	Nguyễn Thị Sen	Phụ trách kế toán		
4	Chu Văn Thước	Phó Tổng giám đốc	0,01	Nghỉ hưu từ 01/9/2021

2.2- Lý lịch tóm tắt:

1. Ông Văn Hồng Sơn	
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	14/8/1965
Số Căn cước công dân:	040065000270 cấp ngày 27/4/2018 tại Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Xã Diễn Ngọc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An
Địa chỉ thường trú:	Số 30, ngách 160/9/14 đường Phan Trọng Tuệ - Thanh Trì - Hà Nội.
Số Điện thoại liên lạc:	0243 6884489 / 0984 690 790

Trình độ văn hóa:	10/10
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư cơ khí, cử nhân chính trị
Quá trình công tác	Chức vụ và nơi công tác
+ Từ 1990 đến 3/2000:	Kỹ sư cơ Phòng Cơ điện, Công ty phân đạm và hóa chất Hà Bắc
+ Từ 4/2000 đến 9/2000	Kỹ sư các Phân xưởng Lò cao, Sấy nghiền, Cơ điện Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển
+ Từ 10/2000 đến 8/2001	Phó Phòng Kỹ thuật, Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển
+ Từ 9/2001 đến 11/2002:	Phó Quản đốc, Quản đốc Phân xưởng Cơ điện Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển
+ Từ 12/2002 đến 29/6/2016:	Phó Phòng Kỹ thuật, Trưởng Phòng Kỹ thuật Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển
+ Từ 30/6/2016 đến 14/9/2018:	Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển.
+ Từ 15/9/2018 đến 13/11/2018:	Phó Tổng giám đốc Phụ trách Ban Tổng giám đốc Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển.
Từ 14/11/2018 đến 13/11/2021:	Tổng giám đốc Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển
Từ 14/11/2021 đến nay:	Thực hiện chức trách, nhiệm vụ của Tổng giám đốc Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không

2. Ông Phạm Quang Trung	
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	30/11/1966
Số CMND:	012450055 ngày 28/5/2001 tại Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Xã Vĩnh Minh, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa
Địa chỉ thường trú:	Tập thể Phân lân Văn Điển, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội
Số Điện thoại liên lạc:	0243 6884489/ 0916880303
Trình độ văn hóa:	10/10
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư cơ khí
Quá trình công tác	Chức vụ và nơi công tác

+ Từ 1993 đến 1995:	Kỹ sư cơ khí phân xưởng Lò cao, phân xưởng Sấy nghiên Công ty Phân lân nung chảy Văn Điển
+ Từ 1996 đến 2005:	Phó quản đốc Phân xưởng lò cao
+ Từ 2005 đến 2010:	Quản đốc phân xưởng Lò cao
+ Từ 12/2010 đến 03/2012:	Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển.
+ Từ 04/2012 đến 20/01/2015:	Thành viên Hội đồng quản trị, Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển
+ Từ 21/01/2015 đến 23/02/2019	Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển
+ Từ 24/02/2019 đến nay:	Thực hiện chức trách, nhiệm vụ Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không

3. Bà Nguyễn Thị Sen	
Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	15/01/1973
Số CMND:	164248169, cấp ngày 14/08/2013, tại Ninh Bình
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	xã Trường Yên, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
Địa chỉ thường trú:	P912 Ngõ 4 - khu đô thị Pháp Vân, Phường Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội
Số Điện thoại liên lạc:	0243 6884489 / 0912 467 709
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kế toán
Quá trình công tác	
+ Từ 12/1992 đến 9/2014:	Kế toán viên, Công ty CP phân lân Ninh Bình
+ Từ 10/2014 đến 11/2015	Kế toán viên, Công ty CP phân lân nung chảy Văn Điển
+ Từ 12/2015 đến 01/2019	Phụ trách kế toán kiêm Tổ trưởng tổ hành chính Ban QLDA đầu tư xây dựng "Nhà máy sản xuất phân lân nung chảy và phân bón NPK Văn Điển" tại Khu B KCN Bim Sơn, Thanh Hóa (thuộc Công ty CP phân lân nung chảy Văn Điển).

+ Từ 02/2019 đến 02/2019	Phó phòng Tài chính kế toán Công ty CP phân lân nung chảy Văn Điển
+ Từ 03/2019 đến 12/2019	Phó phòng Tài chính kế toán; Phụ trách kế toán Công ty CP phân lân nung chảy Văn Điển
+ Từ 01/2020 đến nay	Trưởng phòng Tài chính kế toán; Phụ trách kế toán Công ty CP phân lân nung chảy Văn Điển
Chức vụ công tác hiện nay:	Trưởng phòng Tài chính kế toán; Phụ trách kế toán Công ty CP phân lân nung chảy Văn Điển
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với .C.ty:	Không

4. Ông Chu Văn Thước	
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	15/5/1961
Số CMND/Hộ chiếu:	011782172 - cấp ngày 08/6/2007 tại Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Xã Hà Tân, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa
Địa chỉ thường trú:	Khu đô thị Pháp Vân-Tứ Hiệp, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
Số Điện thoại liên lạc:	0243 6884489/ 0913510480
Trình độ văn hóa:	10/10
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư kinh tế
Quá trình công tác	Chức vụ và nơi công tác
+ Từ 1985 đến 1987:	Cán bộ Phòng Tổ chức lao động, Công ty Phân lân nung chảy Văn Điển.
+ Từ 1987 đến 1989:	Quyền Trưởng phòng Kế hoạch, Công ty phân lân nung chảy Văn Điển
+ Từ 1989 đến 2001:	Trưởng phòng kinh tế, Công ty Phân lân Văn Điển.
+ Từ 2001 đến 2009:	Phó giám đốc Công ty Phân lân nung chảy Văn Điển.
+ Từ 2010 đến 20/01/2015:	Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển
+ Từ 21/01/2015 đến 23/02/2019	Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển
+ Từ 24/02/2019 đến 8/2021	Thực hiện chức trách, nhiệm vụ Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển
+ Từ 01/9/2021	Nghỉ hưu hưởng chế độ BHXH

Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không

2.3- Những thay đổi trong Ban điều hành năm 2021:

Từ ngày 01/09/2021 ông Chu Văn Thước - Phó Tổng giám đốc nghỉ hưu hưởng chế độ bảo hiểm xã hội.

2.4- Số lượng lao động thực tế năm 2021: 362 người (gồm cả lao động thời vụ)

2.5- Tóm tắt chính sách đối với người lao động:

- Tuyển dụng lao động để bổ sung cho sản xuất kinh doanh; đào tạo, nâng cao tay nghề cho người lao động;

- Áp dụng các kiến nghị, ý tưởng sáng tạo, sáng kiến cải tiến của người lao động vào hoạt động sản xuất kinh doanh;

- Đảm bảo việc làm, thu nhập; đảm bảo chế độ cho người lao động theo đúng quy định; cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho người lao động.

3- Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án năm 2021:

3.1. Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất Phân lân nung chảy và phân bón NPK Văn Điển.

a/. *Khái quát dự án:*

- Địa điểm: Khu B – khu CN Bim Sơn, thị xã Bim Sơn, Thanh Hóa.

- Quy mô: Phân lân nung chảy: 500.000 tấn/năm; Phân bón NPK: 200.000 tấn/năm.

- Tổng mức đầu tư: 1.291.619.455.265 đồng.

- Nguồn vốn: 30 % vốn Công ty và 70% vay thương mại.

b/. *Tình hình thực hiện:*

Trong năm 2021, dự án tiếp tục tập trung giải quyết tồn tại liên quan đến hợp đồng thuê lại đất số 05/HĐTĐ-HUD4 với Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng HUD4. Việc HUD4 giao đất cho Công ty PLVĐ khi chưa được giao đất để đầu tư và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật, chưa được cấp GCNQSDĐ; Nội dung này đã được Thanh tra Bộ Công thương kiểm tra theo kết luận số 8990/KL-BCT ngày 06/11/2018.

c/. *Về Hợp đồng thuê đất:*

Trong 2021 Công ty CP Phân lân nung chảy Văn Điển và Công ty HUD4 đã thực hiện nhiều lần đàm phán để tháo gỡ các vướng mắc về hợp đồng thuê đất số 05/HĐTĐ-HUD4 để tiếp tục triển khai dự án, tuy nhiên đến nay chưa HUD4 chưa hoàn thiện đồng bộ hạ tầng kỹ thuật như cam kết trong hợp đồng; thời gian thuê đất chỉ còn < 36 năm, Công ty chưa nhận được Giấy CNQSDĐ và dự án đã quá chậm tiến độ theo luật định,... gây ảnh hưởng rất lớn đến tính khả thi, hiệu quả của dự án "Nhà máy sản xuất phân lân nung chảy và phân bón NPK Văn Điển" tại Khu B – Khu công nghiệp Bim Sơn – tỉnh Thanh Hóa.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty, ngày 06/01/2022 Công ty đã gửi hồ sơ đến Tòa án nhân dân Thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa thụ lý giải quyết.

Ngày 21/01/2022 TAND TX Bim Sơn – tỉnh Thanh Hóa gửi Thông báo số 02/2022/TB-TLVA thụ lý vụ án v/v "Tranh chấp hợp đồng cho thuê lại quyền sử dụng đất" giữa VADFCO & HUD4". Hiện nay Công ty tiếp tục phối hợp, giải quyết với các bên liên quan theo hướng dẫn & trình tự của TAND TX Bim Sơn.

Về giá trị thực hiện đến nay:

- Giá trị thực hiện năm 2021 : 0.00 triệu đồng

Sh

- Lũy kế thực hiện đến 31/12/2021 : 99.992 triệu đồng

2. Dự án Nhà máy phân bón NPK Thái Bình:

Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành quyết định chấm dứt hoạt động của dự án theo quy định. Công ty đã thuê đơn vị thẩm định giá để thẩm định giá các tài sản gắn liền trên đất (thực hiện lần 2). Đơn vị thẩm định giá đã phát hành chứng thư thẩm định giá.

Sau khi Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt giá trị thẩm định giá và phê duyệt phương án chuyển nhượng tài sản gắn liền trên đất thuộc dự án ĐTXD công trình nhà máy phân bón NPK Thái Bình, Công ty sẽ triển khai lựa chọn Tổ chức đấu giá và tiến hành bán đấu giá theo quy định, đảm bảo thu hồi tối đa vốn đầu tư của dự án này.

3. Dự án đầu tư mua sắm thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh:

3.1. Dự án chuyển tiếp từ năm 2020:

+ Dự án đầu tư mua sắm 02 hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục: Tổng giá trị hợp đồng là 4.500 triệu đồng, giá trị thực hiện năm 2021 là 2.250 triệu đồng.

+ Dự án đầu tư mua sắm 02 máy nâng: giá trị thực hiện là 949,2 triệu đồng

3.2. Dự án đầu tư mua sắm năm 2021: chuyển tiếp thực hiện sang năm 2022 gồm 05 dự án:

+ Dự án mua sắm máy cắt CNC Gaz/Plasma, giá đầu tư 157,5 triệu đồng

+ Dự án mua sắm pa lăng điện 5 tấn treo dầm đơn, giá đầu tư 554,4 triệu đồng

+ Dự án mua sắm máy xúc đào bánh xích, giá đầu tư 3.097,5 triệu đồng

+ Dự án mua sắm máy xúc lật, giá đầu tư 546,0 triệu đồng

+ Mua sắm Ô tô bán tải 5 chỗ ngồi, giá đầu tư: 738,97 triệu đồng

3.4- Về đầu tư tài chính: không

3.5-Các công ty con, công ty liên kết: không.

4- Tình hình tài chính:

4.1- Tình hình tài chính:

Số TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021	% Tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	Tỷ.đ	588,594	666,614	113,3
2	Doanh thu thuần	Tỷ.đ	748,203	842,511	112,6
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tỷ.đ	29,182	35,015	120,0
4	Lợi nhuận khác	Tỷ.đ	0,018	-0,002	-11,1
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ.đ	29,200	35,013	119,9
6	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ.đ	22,771	27,980	122,9
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%	5,5%	6,5%	118,2

Ghi chú: Mức trả cổ tức năm 2021 dự kiến là 6,5%; mức chính thức sẽ được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

4.2- Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Số TT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Ghi chú
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	3,75	2,77	

	<i>TSLĐ/Nợ ngắn hạn</i>		
	+ Hệ số thanh toán nhanh	1,56	1,17
	<u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u>		
	<i>Nợ ngắn hạn</i>		
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
	+ Hệ số nợ/ Tổng tài sản	0,22	0,30
	+ Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	0,28	0,44
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
	+ Vòng quay hàng tồn kho		
	Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	1,91	2,12
	+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,27	1,26
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
	+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,030	0,033
	+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,050	0,060
	+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,039	0,042
	+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	0,039	0,042

5- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu tính đến 31/12/2021:

5.1- Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 37.665.348 cổ phần;
- Loại cổ phần: phổ thông;
- Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần;
- Số cổ phần tự do chuyển nhượng: 37.665.348 cổ phần.

5.2- Cơ cấu cổ đông:

a- Theo cổ đông lớn (nắm giữ trên 5% vốn điều lệ):

STT	Tên Cổ đông	Địa chỉ	Số ĐKKD	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	1A Tràng Tiền, Hoàn Kiếm, Hà Nội	0100100061 ngày 29/8/2014	67,056%
2	Công ty TNHH Hoàng Ngân	02 Vũ Duy Thanh, Bích Đào, Ninh Bình	2700271351 ngày 26/6/2014	24,467%
3	Các cổ đông khác			08,477%
	Cộng			100%

5.3- Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 31/12/2020: 376,653 tỷ đồng; *Anh*

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 31/12/2021: 376,653 tỷ đồng.

5.4- Tình hình phát hành cổ phiếu: Không có.

5.5- Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có

5.6- Các chứng khoán khác: không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty trong năm 2021:

6.1. Tác động lên môi trường:

6.1.1. Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp:

TT	Nguồn phát thải	ĐV	Khối lượng sử dụng	Hệ số phát thải CO ₂ (tấn CO ₂ /đvị)	Lượng phát thải khí CO ₂ (tấn)
1	Than	tấn	49.489,67	2,47	122.239,5
2	Dầu diesel	1000 lít	277,47	2,73	757,5
3	Xăng	1000 lít	9,11	2,408	21,9
4	Khí đốt (gaz)	Tấn	5,01	2,88	14,4
5	Điện năng	1000 kWh	9.930,50	0,913	9.066,5
	Cộng	Tấn			132.099,8

6.1.2. Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính

Để tiết kiệm chi phí, giảm lượng nhiên liệu tiêu thụ và để giảm lượng phát thải khí nhà kính phát thải ra ngoài môi trường luôn được Công ty quan tâm, dành nguồn lực để thay đổi thiết bị, công nghệ tiên tiến hơn. Trong thời gian qua, các sáng kiến, biện pháp đơn vị đang sử dụng để giảm thiểu phát thải khí nhà kính bao gồm:

- Tận dụng gió nóng từ khí thải của lò cao để nung nóng không khí lên 200°C trước khi dẫn vào lò cao, tiết kiệm được than tại Phân xưởng Lò cao.

- Định kỳ đại tu, sửa chữa thiết bị để thiết bị sản xuất ổn định, định mức sử dụng than thấp, giảm lượng than tiêu thụ tại Phân xưởng Lò cao và Sấy nghiền.

- Thay thế các động cơ có công suất dư bằng các động cơ có công suất phù hợp để tiết kiệm điện năng tiêu thụ.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của Công ty trong năm:

TT	Loại nguyên liệu	ĐV	Tiêu thụ năm 2021
1	Quặng Apatit	tấn	142.392,73
2	Quặng sà vôn	tấn	70.896,69
3	Quặng sa thạch	tấn	19.467,69
4	Than	tấn	49.489,67
	Cộng	tấn	282.246,78

b. Tỷ lệ % nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của Công ty trong năm 2021: Đóng bánh quặng mịn được 49.320 tấn, triệt tiêu hoàn toàn chất thải rắn. Đưa vào sử dụng 41.303 tấn, chiếm 17,75% tổng lượng nguyên liệu đưa vào sản xuất.

6.3. Tiêu thụ năng lượng trong năm 2021:

a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

- Các loại nhiên liệu tiêu thụ:

TT	Loại nhiên liệu	ĐV	Khối lượng	Mục đích sử dụng
1	Than	tấn	49.489,67	Sản xuất phân lân nung chảy
2	Dầu diesel	lít	277.470	Sử dụng để chạy các phương tiện vận tải, các máy phục vụ, máy phát điện.
3	Xăng	lít	9.110	Sử dụng để chạy ô tô
4	Khí đốt (gaz)	kg	5.010	Sử dụng để cắt kim loại, nấu ăn

- Điện năng tiêu thụ

TT	Nội dung	Đơn vị	Đơn giá (đồng)
1	Điện	kWh	9.930.500
2	Giá điện (ghi rõ 3 giá)	đồng/kWh	Cao điểm: 3.076 Thấp điểm: 1.100 Trung bình: 1.685
3	Chi phí điện	đồng	19.696.835.400

b. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Các giải pháp tiết kiệm năng lượng đã thực hiện:

TT	Bộ phận	Giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả	
		Nội dung giải pháp	Kết quả thực hiện
1	Khu vực văn phòng, các đơn vị sản xuất.	Giải pháp thay thế Bóng đèn compac 50W bằng bóng LED 30W; duy trì việc sửa chữa, thay thế loại bóng đèn tiết kiệm điện	Đã thay 78 bóng đèn LED 30W. Mức tiết kiệm điện 15 kWh/ngày, Tiết kiệm chi phí 9,6 Tr. đồng/năm
2	Các dây chuyền sản xuất	Tăng cường công tác quản lý, tổ chức sản xuất hợp lý; thay đổi công suất một số động cơ, thiết bị có công suất phù hợp với tính năng, thay đổi kết cấu giảm tốc, giảm tổn thất điện năng do chạy non tải.	Tiết kiệm năng lượng 3,0 kWh/tấn SP (so với định mức), tương đương 1.140 triệu đồng/năm.
3	Tiết kiệm năng lượng xăng dầu trong vận chuyển phục vụ sản xuất và tiêu thụ	Tăng cường công tác quản lý ô tô, xe máy; Xây dựng kế hoạch bảo dưỡng thường xuyên, định kỳ; Duy trì camera hành trình đối với các xe vận chuyển ngoài, giảm tiêu hao xăng dầu.	Tiết kiệm nhiên liệu 28.500 lít dầu diesel/năm (so với định mức), tương đương 513 triệu đồng/năm.

4	Tiết kiệm năng lượng than trong sản xuất phân lân	Tăng cường công tác quản lý, nghiên cứu cải tiến công nghệ, thiết bị lò cao để giảm định mức than	Tiết kiệm nhiên liệu than 6 kg/tấn SP (so với định mức), tương đương 4.231 triệu đồng/năm.
---	---	---	--

c. Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); kết quả của sáng kiến này năm 2021:

- Bằng sáng chế năm 1991 – Lò cao sản xuất phân lân nung chảy; năm 2021 làm lợi 8,0 tỷ đồng.

- Giải pháp hữu ích số HI 0031 – Đóng quặng bánh tận thu 100% phế thải rắn; năm 2021 đưa và sử dụng 43.632 tấn, làm lợi 7,90 tỷ đồng.

- Chế tạo và lắp đặt 2 silo chứa xi măng đưa vào vận hành tại khu vực máy ép số 2 và máy ép số 3, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, tiết kiệm chi phí sản xuất. Năm 2021 làm lợi khoảng 550 triệu đồng.

- Chế tạo và lắp đặt dây chuyền sàng than hoạt động ổn định, đảm bảo năng suất, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, tiết kiệm chi phí và nhân công trong sản xuất (giảm 12 lao động). Năm 2021 làm lợi khoảng 400 triệu đồng.

- Dùng máy xúc thủy lực thay cho công nhân bốc quặng bánh cấp vào lò cao, giảm được 10 lao động; năm 2021 làm lợi 390 triệu đồng.

- Cải tạo hệ thống cấp liệu vào các lò cao (chế tạo 03 xe goòng sử dụng cân Loadcell điện tử và động cơ điện để cân phối liệu từ phễu thay cho công tác đẩy xe goòng bằng thủ công) cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, tiết kiệm chi phí sản xuất (giảm được 19 lao động). Năm 2021 làm lợi 1,85 tỷ đồng.

- Chế tạo và lắp đặt hệ thống băng tải chuyên Ab từ ngoài bãi nguyên liệu vào phễu Ab lò cao, tiết kiệm chi phí (nhiên liệu, xe vận chuyển và chi phí ép ép Ab do giảm lượng mìn phát sinh). Năm 2021 làm lợi khoảng 400 triệu đồng.

- Sử dụng dây đai Sling đóng các bịch lân 2,0 tấn để xuất hàng đã giảm được nhân công lao động khi xuất hàng lân tại Phân xưởng Sấy nghiên, sử dụng máy nâng để xuất hàng thay cho nhân công bốc thủ công đã nâng cao năng suất, cải thiện điều kiện làm việc của người lao động.

- Sửa chữa băng tải, chế tạo dưỡng, thay thế phương án xếp bao vào đai Sling, giảm cường độ làm việc cho người lao động tại Phân xưởng Sấy nghiên.

6.4. Tiêu thụ nước trong năm 2021:

a. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

- Nước ngầm tự khai thác: 370 đến 647m³/ngày đêm. Năm 2021 đã khai thác 190.620m³.

- Giấy phép khai thác nước sử dụng nước dưới đất; Giấy phép số 107/GP-BTNMT ngày 29/6/2021 của Bộ Tài nguyên Môi trường.

b. Tỷ lệ phân trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng.

Lượng nước thải được cấp phép cao nhất 500 m³/ngày đêm. Hiện tại toàn bộ nước thải công nghiệp, nước thải sinh hoạt và một phần nước mưa đã được xử lý bằng tuần hoàn nên đã triệt tiêu toàn bộ nước thải; không xả nước thải ra môi trường; tiết kiệm mỗi năm khoảng 12 đến 14 triệu m³ nước.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Là đơn vị sản xuất phân bón trên địa bàn thủ đô Hà Nội, công tác bảo vệ môi trường luôn được Công ty chú trọng đặt lên hàng đầu; Công ty đã thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

- Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về môi trường của Nhà nước và thành phố Hà Nội.

- Đã lập báo cáo tác động môi trường (ĐTM) được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Tuân thủ các quy định trong quan trắc môi trường định kỳ và quan trắc hệ thống khí thải tự động liên tục (quan trắc online), trong năm 2021 đã hoàn thành lắp đặt 03/03 trạm quan trắc khí thải tự động liên tục tại 03 lò cao sản xuất phân lân.

- Không ngừng đổi mới các biện pháp giám sát, quản lý, giáo dục về môi trường.

- Không ngừng đầu tư khoa học công nghệ để đảm bảo, cải thiện môi trường.

a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

b. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng CBCNV (tính đến ngày 31/12/2021): 332 người

+ Thu nhập bình quân năm 2021: 11.018.000 đồng/người/tháng

+ Hình thức trả lương: Tạm ứng giữa kỳ lương từ ngày 18 đến ngày 20 của tháng; Thanh toán cuối kỳ lương từ ngày 8 đến ngày 15 tháng sau

+ Hàng tháng, quý, năm căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh và những yếu tố kinh tế, xã hội khác, để động viên người lao động trong lao động, đem lại hiệu quả cao trong sản xuất trên cơ sở quỹ tiền lương Công ty chi thêm tiền bổ sung theo lương.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn, phúc lợi cho người lao động:

+ Chế độ làm việc: 8h/ngày; Từ 5 - đến 6 ngày/tuần.

Làm việc theo giờ hành chính bắt đầu 7h30 kết thúc 16h15, trưa nghỉ 45 phút từ 11h30 đến 12h15 ăn cơm.

Công nhân trong dây chuyền sản xuất làm việc theo ca: ca 1 bắt đầu từ 7h, kết thúc 15h; Ca 2 bắt đầu 15h kết thúc 23h; ca 3 bắt đầu 23h kết thúc 7h); Trong ca thay nhau nghỉ để ăn giữa ca.

+ Các chế độ nghỉ ốm, thai sản, điều dưỡng: Thực hiện theo luật bảo hiểm xã hội

+ Các chế độ nghỉ phép, chế độ đối với lao động nữ, nuôi con nhỏ: Thực hiện theo quy định của Bộ luật lao động và các văn bản hướng dẫn của Nhà nước.

+ Được cấp phát toàn bộ trang thiết bị BHLĐ.

+ Chính sách thưởng, phúc lợi:

- Về tiền thưởng: Căn cứ vào mức độ hoàn thành công việc của người lao động, căn cứ vào nguồn tiền thưởng hàng năm được trích để tính thưởng cho từng người.

- Các chế độ khác: Ngoài được hưởng các chế độ theo bộ luật lao động, luật BHXH người lao động được ăn 2 bữa cơm ca /1 ca làm việc và hàng năm được đi tham quan, nghỉ mát theo quy định của Công ty.

- Chế độ hiếu hỷ thực hiện theo quy chế chi tiêu nội bộ.

- Khám sức khỏe định kỳ hàng năm.

c) Chế độ đào tạo:

- Kinh phí học tập để phục vụ cho nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty do Công ty chi trả 100 %.

- Người lao động đi học theo yêu cầu công việc, do Công ty cử đi thì những ngày đi học được hưởng lương theo quy chế trả lương của Công ty.

- Người lao động đi học không do Công ty cử đi, hoặc các ngành nghề Công ty không có nhu cầu thì phải tự túc kinh phí và thời gian.

- Người lao động tự đi học để nâng cao trình độ chuyên môn phục vụ cho công việc của mình thì tùy theo khả năng tài chính của Công ty, Công ty hỗ trợ một phần kinh phí. *sh*

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm cộng đồng địa phương:

Năm 2021 đã ủng hộ công tác xã hội, từ thiện số tiền 230,5 triệu đồng bao gồm: quỹ an sinh Tập đoàn 60 triệu đồng, các quỹ khác 170,5 triệu đồng.

III- Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc

1 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

a - Ngoài khó khăn đã nêu ở trên thì trong năm 2021, sản xuất kinh doanh của Công ty bị ảnh hưởng lớn bởi dịch Covid – 19, mặc dù đã được kiểm soát và tỷ lệ tiêm chủng vacxin ở mức cao nhưng vẫn gây ra rất nhiều khó khăn như thiếu hụt lao động, thiếu phương tiện vận chuyển, thiếu nguyên, nhiên vật liệu.... Ngoài ra, thời tiết diễn biến phức tạp do tình trạng nóng lên toàn cầu, biến đổi khí hậu đã gây ảnh hưởng nặng nề đến nền kinh tế Việt Nam nói chung, đặc biệt là đối với các tỉnh miền Trung từ Nghệ An đến Phú Yên. Đối với Công ty cũng bị ảnh hưởng không nhỏ, cụ thể:

+ Nguồn nhân sự cho sản xuất tuyển dụng khó; số người tuyển dụng nhỏ hơn so với số người nghỉ việc gây mất cân đối cho sản xuất;

+ Nguyên liệu đầu vào thu mua khó khăn và giá tăng rất cao do hàng hóa lưu thông khó khăn, các dịch vụ vận tải và các chi phí tăng quá cao do dịch bệnh và các chính sách do các địa phương quy định về các biện pháp chống dịch ban hành;

+ Tiêu thụ sản phẩm chậm do vận chuyển, lưu thông hàng hóa khó khăn tại các vùng có dịch và bão lũ; hàng hóa nông sản không tiêu thụ được nên sức mua của nông dân giảm do thiếu vốn;


+ Các hoạt động thị trường như tập huấn, hội thảo ở các địa phương bị hạn chế do thực hiện việc giãn cách xã hội.

Những yếu tố trên đã làm cho công tác sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của Công ty gặp rất nhiều khó khăn, để bán được hàng bắt buộc Công ty phải có cơ chế phù hợp như tăng giá bán sản phẩm để không bị lỗ nhưng đồng thời tăng chiết khấu bán hàng, dẫn đến làm giảm hiệu quả kinh doanh.

b- Với những khó khăn như trên Công ty đã thực hiện nhiều biện pháp phù hợp để thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 được Đại hội đồng cổ đông giao; cụ thể như sau:

- Ổn định tư tưởng cho cán bộ CNV, thông qua các việc làm thiết thực như: Đảm bảo đời sống việc làm, lương thưởng; đảm bảo thực hiện đúng các chế độ chính sách theo quy định của nhà nước đối với người lao động. Quan tâm giải quyết các kiến nghị của người lao động, tránh gây bức xúc cho người lao động từ các khâu trung gian. Phát huy được tính làm chủ của người lao động, tăng cường sự giám sát các mặt sản xuất kinh doanh. Không ngừng cải tiến, cải tạo máy móc thiết bị để cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, cải thiện môi trường.

- Tập trung công tác đào tạo: Đào tạo lý thuyết, tay nghề cho công nhân, đào tạo tại chỗ, thực tế cho từng cương vị, người cũ hướng dẫn người mới để người mới nhanh chóng nắm bắt quy trình công nghệ, thao tác để nâng cao tay nghề đảm đương được các cương vị. Thường xuyên huấn luyện về an toàn BHLĐ, phòng chống cháy nổ, đảm bảo sản xuất an toàn hiệu quả.

- Tăng cường các biện pháp tổ chức quản lý: 

+ Tiến hành kiện toàn về tổ chức; cải tiến công tác quản lý dựa trên nguyên tắc tinh giảm, đúng người đúng việc và nâng cao chất lượng cán bộ, hiệu quả công việc; đào tạo và đào tạo lại để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty trong thời kỳ mới.

+ Tiếp tục xây dựng, sửa đổi bổ sung các quy chế, quy định cho phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

+ Sản xuất dự trữ Phân bón vừa đủ theo kế hoạch và nhu cầu thị trường, đảm bảo tồn kho hợp lý để tăng hiệu quả sử dụng vốn và không suy giảm chất lượng sản phẩm.

+ Quản lý chặt chẽ công tác mua sắm vật tư, nguyên nhiên liệu đầu vào đảm bảo chất lượng, giá cả hợp lý; quản lý chặt chẽ số lượng, chất lượng hàng hóa tại các kho dự trữ.

- Tiếp tục đầu tư các biện pháp KHKT:

+ Cải tiến công tác vận hành thao tác, công nghệ lò cao nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, để giảm số lần chết lò, giảm định mức tiêu hao than và đảm bảo vệ sinh môi trường.

+ Tiếp tục cơ giới hóa hợp lý các khâu trong sản xuất; áp dụng các sáng kiến cải tiến kỹ thuật để tăng năng suất, giảm giá thành sản phẩm, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, đảm bảo môi trường, tận thu sản phẩm.

- Đẩy mạnh công tác thị trường và bán hàng:

+ Tăng cường đầu tư cho công tác thị trường, phát triển các đại lý bán hàng mới tại khu vực, đảm bảo cung ứng hàng kịp thời, đầy đủ; Không bán hàng theo hình thức bán hàng ứng vốn 01 vụ cho dân (bán chậm thanh toán như các năm trước đây). Đề ra các chính sách bán hàng, giá cả, thời điểm chuyển kho từng thời kỳ hợp lý để tăng sức cạnh tranh, đem lại hiệu quả cao nhất; đặc biệt là tăng lượng hàng chuyển trực tiếp về kho khách hàng phía Nam để giảm lượng hàng tại các kho dự trữ, giảm chi phí thuê kho.

+ Đầu tư hợp lý và hiệu quả cho công tác tuyên truyền quảng cáo sản phẩm trên các phương tiện thông tin đại chúng (báo, tạp chí, treo các băng rôn, biển hiệu tại các cửa hàng, đại lý tiêu thụ sản phẩm).

+ Kết hợp với các nhà khoa học (Viện KHNN Việt Nam, TT khuyến nông Quốc gia, TT giống cây trồng, Sở Nông nghiệp các tỉnh, Tổ chức Hội các tỉnh) để xây dựng các mô hình thực nghiệm cho cây chè, cây lúa, cây mía, cây dứa, cây cam và các cây công nghiệp khác tại các vùng miền và triển khai tổ chức các hội nghị khách hàng, hội thảo, hội nghị đầu bờ để trao đổi kinh nghiệm & hướng dẫn kỹ thuật sử dụng phân bón cho nông dân tại các tỉnh miền Bắc, miền Trung - Tây nguyên - Nam bộ.

+ Tiếp tục đưa cán bộ thị trường vào khu vực Miền Trung, Miền Nam và Tây Nguyên để theo dõi nắm bắt thị trường và nghiên cứu phát triển thêm đại lý mới.

+ Đa dạng hóa phương thức vận chuyển, hợp đồng với nhiều đơn vị vận tải để tránh độc quyền, đáp ứng đầy đủ, kịp thời nhu cầu chuyển kho, tiêu thụ.

c- Kết quả đạt được:

- Công ty đã thực hiện nhiều biện pháp để ổn định, tiết giảm chi phí trong sản xuất, tiêu thụ, giữ thị trường; kết quả sản xuất kinh doanh như sau: *anh*

Năm 2021, Công ty đã thực hiện tốt trách nhiệm nộp ngân sách và các khoản nộp khác theo quy định của Nhà nước, thu nộp quỹ an sinh xã hội; Tổ chức tốt các phong trào thi đua do các cấp và địa phương phát động;

- Theo kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao năm 2021: Doanh thu 780 tỷ đồng, thực hiện 839,036 tỷ đồng = 108%; Lợi nhuận 30 tỷ đồng, thực hiện đạt 35,013 tỷ đồng = 117%.

- Sản lượng Phân bón sản xuất đạt 104% so với kế hoạch đề ra, sản lượng tiêu thụ đạt 242.085 tấn phân bón các loại đạt 102 % so với kế hoạch (kế hoạch 236.500 tấn).

Mặc dù còn vô vàn khó khăn, trong điều kiện không chỉ các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh phân bón trong nước mà các đơn vị xuất nhập khẩu cũng chịu rất nhiều ảnh hưởng do dịch bệnh Covit nhưng với những kết quả đã đạt được trong năm 2021, Công ty là 1 trong đơn vị hoàn thành xuất sắc kế hoạch SXKD năm 2021 đã đề ra, kết quả rất đáng ghi nhận trong bối cảnh nhiều doanh nghiệp sản xuất kinh doanh phân bón trong nước sụt giảm hiệu quả kinh doanh nghiêm trọng.

Những tiến bộ khác đạt được trong năm 2021:

- Trình độ công nghệ sản xuất được nâng cao; các máy móc, thiết bị về cơ bản được đầu tư, cải tạo, sửa chữa nên đã đáp ứng yêu cầu, nâng cao hiệu quả sản xuất, cải thiện điều kiện làm việc cho công nhân, cải thiện môi trường. Đặc biệt, năng lực chế tạo, lắp đặt máy móc thiết bị của Công ty được nâng cao;

- Áp dụng nhiều sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong sản xuất, góp phần tiết giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành, tăng sức cạnh tranh của sản phẩm;

- Các thị trường tiêu thụ truyền thống cả trong và ngoài nước được giữ vững trong bối cảnh cạnh tranh rất gay gắt;

- Thực hiện đầy đủ các chế độ, đảm bảo việc làm, thu nhập, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động trong bối cảnh ngành phân bón trong nước gặp rất nhiều khó khăn, nhiều doanh nghiệp phải ngừng hoặc giảm hoạt động.

2-Tình hình tài chính

2.1- Tình hình tài sản:

Vốn chủ sở hữu, tài sản của Công ty tính đến 31/12/2021 như sau:

Số TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 31/12/2021
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ.đ	458,086	463,311
2	Vốn góp của chủ sở hữu	Tỷ.đ	376,653	376,653
3	Quỹ đầu tư phát triển	Tỷ.đ	52,866	53,620
4	Vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu	Tỷ.đ	3,282	3,282
5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tỷ.đ	25,284	29,755
6	Tổng tài sản	Tỷ.đ	588,594	666,614

Các tài sản được đầu tư và sử dụng đúng mục đích, phát huy hiệu quả của tài sản.

Hiệu quả sử dụng vốn năm 2021 của Công ty được đánh giá qua các chỉ số tài chính, cụ thể như sau:

Số TT	Chỉ tiêu	Tại ngày	Tại ngày
		31/12/2020	31/12/2021
1	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	4,97%	6,04%
2	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	3,87%	4,20%

Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng vốn năm 2021 cao hơn so với năm 2020; Công ty vẫn bảo toàn và sử dụng vốn có hiệu quả.

Tại thời điểm 31/12/2021, Công ty có số dư tiền gửi ngân hàng là 82,37 tỷ đồng và có khoản tiền gửi 110 tỷ đồng có kỳ hạn 12 tháng với lãi suất từ 3,5-5%/năm:

Số TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Tại ngày	Tại ngày
			31/12/2020	31/12/2021
1	Tiền mặt	Tỷ.đ	1,735	2,961
2	Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	Tỷ.đ	39,401	82,370
3	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng	Tỷ.đ	0,000	50,000
4	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 12 tháng	Tỷ.đ	20,000	60,000
	Cộng		61,136	195,331

Công nợ phải thu:

Số TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Tại ngày	Tại ngày
			31/12/2020	31/12/2021
	Tổng nợ phải thu	Tỷ.đ	117,649	16,047
1	Phải thu khách hàng	Tỷ.đ	114,725	2,068
2	Trả trước cho người bán	Tỷ.đ	3,838	14,022
3	Phải thu về cho vay ngắn hạn	Tỷ.đ	1,141	1,141
4	Các khoản phải thu khác	Tỷ.đ	1,096	1,922
5	Dự phòng phải thu khó đòi	Tỷ.đ	(3,151)	(3,106)
	Một số chỉ tiêu cơ bản			
1	Tỷ lệ nợ phải thu khó đòi/tổng nợ phải thu		2,68%	19,36%
2	Vòng quay của các khoản phải thu		6,522	407,404
	(=Doanh thu thuần/số dư phải thu khách hàng)			

Nợ phải thu chủ yếu là tiền bán hàng. Công ty đã thực hiện quản lý công nợ theo đúng các quy chế, quy định của Công ty.

Nợ phải thu khó đòi tại thời điểm 31/12/2021 là 3,106 tỷ đồng. Trong năm 2021 không phát sinh thêm nợ phải thu khó đòi, số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi là số dư nợ các khách hàng đã phát

sinh từ những năm 2016,2017 và công ty đã áp dụng mọi biện pháp để thu hồi nợ. Một số khoản công nợ đã phát sinh nhiều năm, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng và đã thực hiện các biện pháp để thu hồi công nợ như khởi kiện ra toà.

Ngoài khoản công nợ này, Công ty không có khoản công nợ phải thu khó đòi hay tài sản khó thu hồi nào khác làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty.

2.2- Tình hình nợ phải trả:

Công nợ phải trả:

Số TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 31/12/2021
	Tổng nợ phải trả	<i>Tỷ.đ</i>	130,508	203,304
A	Nợ ngắn hạn	<i>Tỷ.đ</i>	130,508	203,304
1	Phải trả người bán	Tỷ.đ	89,415	57,905
2	Người mua trả tiền trước	Tỷ.đ	2,198	77,816
3	Thuế và các khoản phải nộp NSNN	Tỷ.đ	2,579	2,713
4	Phải trả người lao động	Tỷ.đ	16,392	17,123
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	Tỷ.đ	1,258	1,296
6	Phải trả ngắn hạn khác	Tỷ.đ	17,901	45,555
7	Dự phòng phải trả ngắn hạn	Tỷ.đ		
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Tỷ.đ	0,765	0,896
B	Nợ dài hạn	<i>Tỷ.đ</i>	0,000	0,000

Tình hình tài chính của Công ty đảm bảo cho khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn, không có nợ quá hạn; cụ thể các chỉ tiêu đánh giá chung như sau:

* Khả năng thanh toán nợ	12/31/2020	31/12/2021
- Tổng nợ phải trả/Tổng tài sản:	0,222	0,305
- Khả năng thanh toán hiện hành:	3,75	2,77
(Tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn)		
* Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu:	0,285	0,439

Công ty có đủ khả năng thanh toán hiện hành.

Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm 31/12/2021: 0,439 lần đang trong tỷ lệ an toàn theo quy định của Nhà nước.

Trong năm Công ty có xuất khẩu phân lân và phân NPK, đồng tiền trong giao dịch này sử dụng là ngoại tệ; tuy nhiên doanh thu và các khoản thu xuất khẩu chiếm tỷ trọng không cao trong tổng doanh thu của Công ty (khoảng 4% tổng doanh thu), do đó rủi ro từ tỷ giá hối đoái rất thấp.

3- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Tăng cường đào tạo, bổ nhiệm cán bộ có trình độ; *hh*

- Tăng cường công tác quản lý, điều hành tại tất cả các khâu của quá trình sản xuất kinh doanh;
- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các quy định về quản lý;
- Quản lý chặt chẽ quá trình mua sắm vật tư;
- Sản xuất, dự trữ vừa đủ theo kế hoạch và nhu cầu thị trường; hạn chế tối đa lượng hàng tồn;
- Đẩy mạnh cải tiến công nghệ lò cao; cơ giới, hợp lý hóa các khâu trong sản xuất, áp dụng các sáng kiến cải tiến kỹ thuật để nâng cao hiệu quả sản xuất, cải thiện điều kiện làm việc cho công nhân, đảm bảo môi trường;
- Tiếp tục nghiên cứu, sản xuất các sản phẩm mới, cải tiến mẫu mã bao bì, đáp ứng nhu cầu thị trường;
- Đẩy mạnh công tác thị trường, tiêu thụ cả trong và ngoài nước.

4- Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- 4.1. Tiếp tục thực hiện những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý như:
- Tăng cường đào tạo, bổ nhiệm cán bộ có trình độ;
 - Tăng cường công tác quản lý, điều hành tại tất cả các khâu của quá trình sản xuất kinh doanh;
 - Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các quy định về quản lý;
 - Quản lý chặt chẽ quá trình mua sắm vật tư;
 - Sản xuất, dự trữ vừa đủ theo kế hoạch và nhu cầu thị trường; hạn chế tối đa lượng hàng tồn;
 - Đẩy mạnh cải tiến công nghệ lò cao; cơ giới, hợp lý hóa các khâu trong sản xuất, áp dụng các sáng kiến cải tiến kỹ thuật để nâng cao hiệu quả sản xuất, cải thiện điều kiện làm việc cho công nhân, đảm bảo môi trường;
 - Tiếp tục nghiên cứu, sản xuất các sản phẩm mới, cải tiến mẫu mã bao bì, đáp ứng nhu cầu thị trường;
 - Đẩy mạnh công tác thị trường, tiêu thụ cả trong và ngoài nước.
 - Tiếp tục kiện toàn bộ phận đầu tư xây dựng.

4.2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022:

* Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh năm 2022:

a. Khó khăn và thuận lợi:

- Khó khăn: Ngoài các khó khăn trong năm 2021 tiếp tục ảnh hưởng; trong năm 2022, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn do thiếu lao động, giá nguyên nhiên liệu chính (đạm, kali...) tăng cao, giá cước vận chuyển vẫn ở mức cao, giá nông sản còn thấp (chưa có dấu hiệu phục hồi), thời tiết diễn biến bất thường không thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp, sự cạnh tranh trên thị trường phân bón ngày càng gay gắt; đặc biệt tình hình và diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19 cũng làm ảnh hưởng nhiều đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; Từ 24/02/2022, Nga chiến tranh với Ukraina gây ảnh hưởng và tác động toàn diện đến kinh tế thế giới, Việt Nam và Công ty nói riêng: giá nguyên vật liệu, giá bao bì, cước phí vận chuyển sẽ tăng cao trong thời gian tới sẽ tác động đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Thuận lợi: Công ty có bề dày trên 50 năm sản xuất phân bón; đội ngũ cán bộ công nhân có kinh nghiệm, trình độ, tay nghề; các hạng mục đầu tư khoa học công nghệ của Công ty từ các

năm trước tiếp tục phát huy hiệu quả; sản phẩm phân bón của Công ty có thương hiệu, được người tiêu dùng tín nhiệm...

b. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022:

- Tổng doanh thu: **901,214** tỷ đồng;
- Lợi nhuận trước thuế: **47,016** tỷ đồng;
- Tổng sản lượng sản xuất: **236.500** tấn phân bón các loại;
- Tổng sản lượng tiêu thụ: **226.500** tấn phân bón các loại.

c. Các biện pháp thực hiện:

- Về tổ chức, quản lý: Bố trí, sắp xếp lại các Phòng nghiệp vụ. Kiện toàn cán bộ theo hướng tinh giảm. Tập trung đào tạo, tuyển dụng lao động phục vụ cho sản xuất kinh doanh. Tăng cường các biện pháp tổ chức, quản lý, điều hành để ổn định sản xuất, tiết giảm chi phí, nâng cao năng suất lao động, nâng cao hiệu quả sản xuất;

- Về sản xuất kinh doanh: Tiếp tục thực hiện các biện pháp đầu tư khoa học kỹ thuật, cải tiến hợp lý hóa sản xuất. Nghiên cứu cải tiến mẫu mã bao bì, sản xuất sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu thị trường. Tiếp tục thực hiện các biện pháp hiệu quả để giữ vững và mở rộng thị trường tiêu thụ trong nước, từng bước mở rộng thị trường xuất khẩu.

- Về đầu tư xây dựng:

+ Mua sắm các máy móc thiết bị đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh;

+ Đối với Dự án đầu tư xây dựng “Nhà máy sản xuất phân lân nung chảy và phân bón NPK Văn Điển tại Bim Sơn, Thanh Hóa”: Công ty đã gửi hồ sơ khởi kiện ra Tòa án nhân dân Thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa để yêu cầu Tòa giải quyết các vấn đề liên quan của Hợp đồng thuê đất số 05/HĐTĐ-HUD4 ký ngày 31/5/2013 với Công ty HUD4; bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty. Hiện Tòa án nhân dân Thị xã Bim Sơn đã thụ lý giải quyết theo quy định của pháp luật.

Sau khi có quyết định chính thức của cơ quan Tòa án, Công ty được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Hội đồng quản trị tổ chức rà soát, tính toán hiệu quả dự án để báo cáo Đại hội đồng cổ đông.

+ Đối với dự án “Nhà máy NPK tại Thái Bình”: Công ty đã ra quyết định về việc chấm dứt hoạt động của dự án theo quy định. Hiện Công ty đang làm thủ tục thẩm định, định giá tài sản để bán tài sản gắn liền trên đất thuộc dự án theo quy định của Pháp luật, bảo đảm quyền và lợi ích của Công ty.

5. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến Kiểm toán về Báo cáo tài chính năm 2021: Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động lên môi trường:

6.1.1. Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp:

TT	Nguồn phát thải	ĐV	Khối lượng sử dụng	Hệ số phát thải CO ₂ (tấn CO ₂ /đvị)	Lượng phát thải khí CO ₂ (tấn)
1	Than	tấn	49.489,67	2,47	122.239,5

HN

2	Dầu diesel	1000 lít	277,47	2,73	757,5
3	Xăng	1000 lít	9,11	2,408	21,9
4	Khí đốt (gaz)	Tấn	5,01	2,88	14,4
5	Điện năng	1000 kWh	9.930,50	0,913	9.066,5
	Cộng	Tấn			132.099,8

6.1.2. Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính

Để tiết kiệm chi phí, giảm lượng nhiên liệu tiêu thụ và để giảm lượng phát thải khí nhà kính phát thải ra ngoài môi trường luôn được Công ty quan tâm, dành nguồn lực để thay đổi thiết bị, công nghệ tiên tiến hơn. Trong thời gian qua, các sáng kiến, biện pháp đơn vị đang sử dụng để giảm thiểu phát thải khí nhà kính bao gồm:

- Tận dụng gió nóng từ khí thải của lò cao để nung nóng không khí lên 200°C trước khi dẫn vào lò cao, tiết kiệm được than tại Phân xưởng Lò cao.

- Định kỳ đại tu, sửa chữa thiết bị để thiết bị sản xuất ổn định, định mức sử dụng than thấp, giảm lượng than tiêu thụ tại Phân xưởng Lò cao và Sấy nghiền.

- Thay thế các động cơ có công suất dư bằng các động cơ có công suất phù hợp để tiết kiệm điện năng tiêu thụ.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của Công ty trong năm:

TT	Loại nguyên liệu	ĐV	Tiêu thụ năm 2021
1	Quặng Apatit	tấn	142.392,73
2	Quặng sà vân	tấn	70.896,69
3	Quặng sa thạch	tấn	19.467,69
4	Than	tấn	49.489,67
	Cộng	tấn	282.246,78

b. Tỷ lệ % nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của Công ty trong năm 2021: Đóng bánh quặng mịn được 49.320 tấn, triệt tiêu hoàn toàn chất thải rắn. Đưa vào sử dụng 41.303 tấn, chiếm 17,75% tổng lượng nguyên liệu đưa vào sản xuất.

6.3. Tiêu thụ năng lượng trong năm 2021:

a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

- Các loại nhiên liệu tiêu thụ:

TT	Loại nhiên liệu	ĐV	Khối lượng	Mục đích sử dụng
1	Than	tấn	49.489,67	Sản xuất phân lân nung chảy
2	Dầu diesel	lít	277.470	Sử dụng để chạy các phương tiện vận tải, các máy phục vụ, máy phát điện
3	Xăng	lít	9.110	Sử dụng để chạy ô tô

4	Khí đốt (gaz)	kg	5.010	Sử dụng để cắt kim loại, nấu ăn
---	---------------	----	-------	---------------------------------

- Điện năng tiêu thụ

TT	Nội dung	Đơn vị	Đơn giá (đồng)
1	Điện	kWh	9.930.500
2	Giá điện (ghi rõ 3 giá)	đồng/kWh	Cao điểm: 3.076 Thấp điểm: 1.100 Trung bình: 1.685
3	Chi phí điện	đồng	19.696.835.400

b. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Các giải pháp tiết kiệm năng lượng đã thực hiện:

TT	Bộ phận	Giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả	
		Nội dung giải pháp	Kết quả thực hiện
1	Khu vực văn phòng, các đơn vị sản xuất.	Giải pháp thay thế Bóng đèn compac 50W bằng bóng LED 30W; duy trì việc sửa chữa, thay thế loại bóng đèn tiết kiệm điện	Đã thay 78 bóng đèn LED 30W. Mức tiết kiệm điện 15 kWh/ngày, Tiết kiệm chi phí 9,6 Tr. đồng/năm
2	Các dây chuyền sản xuất	Tăng cường công tác quản lý, tổ chức sản xuất hợp lý; thay đổi công suất một số động cơ, thiết bị có công suất phù hợp với tính năng, thay đổi kết cấu giảm tốc, giảm tổn thất điện năng do chạy non tải.	Tiết kiệm năng lượng 3,0 kWh/tấn SP (so với định mức), tương đương 1.140 triệu đồng/năm.
3	Tiết kiệm năng lượng xăng dầu trong vận chuyển phục vụ sản xuất và tiêu thụ	Tăng cường công tác quản lý ô tô, xe máy; Xây dựng kế hoạch bảo dưỡng thường xuyên, định kỳ; Duy trì camera hành trình đối với các xe vận chuyển ngoài, giảm tiêu hao xăng dầu.	Tiết kiệm nhiên liệu 28.500 lít dầu diesel/năm (so với định mức), tương đương 513 triệu đồng/năm.
4	Tiết kiệm năng lượng than trong sản xuất phân lân	Tăng cường công tác quản lý, nghiên cứu cải tiến công nghệ, thiết bị lò cao để giảm định mức than	Tiết kiệm nhiên liệu than 6 kg/tấn SP (so với định mức), tương đương 4.231 triệu đồng/năm.

c. Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); kết quả của sáng kiến này năm 2021:

- Bảng sáng chế năm 1991 – Lò cao sản xuất phân lân nung chảy; năm 2020 làm lợi 8,0 tỷ đồng.

- Giải pháp hữu ích số HI 0031 – Đóng quặng bánh tận thu 100% phế thải rắn; năm 2019 đưa và sử dụng 43.632 tấn, làm lợi 7,90 tỷ đồng.

- Chế tạo và lắp đặt 2 silo chứa xi măng đưa vào vận hành tại khu vực máy ép số 2 và máy ép số 3, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, tiết kiệm chi phí sản xuất. Năm 2021 làm lợi khoảng 550 triệu đồng. *MM*

- Chế tạo và lắp đặt dây chuyền sàng than hoạt động ổn định, đảm bảo năng suất, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, tiết kiệm chi phí và nhân công trong sản xuất (giảm 12 lao động). Năm 2021 làm lợi khoảng 400 triệu đồng.

- Dùng máy xúc thủy lực thay cho công nhân bốc quặng bánh cấp vào lò cao, giảm được 10 lao động; năm 2021 làm lợi 390 triệu đồng.

- Cải tạo hệ thống cấp liệu vào các lò cao (chế tạo 03 xe goòng sử dụng cân Loadcell điện tử và động cơ điện để cân phối liệu từ phễu thay cho công tác đẩy xe goòng bằng thủ công) cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, tiết kiệm chi phí sản xuất (giảm được 19 lao động). Năm 2021 làm lợi 1,85 tỷ đồng.

- Chế tạo và lắp đặt hệ thống băng tải chuyển Ab từ ngoài bãi nguyên liệu vào phễu Ab lò cao, tiết kiệm chi phí (nhiên liệu, xe vận chuyển và chi phí ép ép Ab do giảm lượng mìn phát sinh). Năm 2021 làm lợi khoảng 400 triệu đồng.

- Sử dụng dây đai Sling đóng các bịch lân 2,0 tấn để xuất hàng đã giảm được nhân công lao động khi xuất hàng lân tại Phân xưởng Sấy nghiền, sử dụng máy nâng để xuất hàng thay cho nhân công bốc thủ công đã nâng cao năng suất, cải thiện điều kiện làm việc của người lao động.

- Sửa chữa băng tải, chế tạo dưỡng, thay thế phương án xếp bao vào đai Sling, giảm cường độ làm việc cho người lao động tại Phân xưởng Sấy nghiền.

6.4. Tiêu thụ nước trong năm 2021:

a. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

- Nước ngầm tự khai thác: 370 đến 647m³/ngày đêm. Năm 2021 đã khai thác 190.620m³.

- Giấy phép khai thác nước sử dụng nước dưới đất; Giấy phép số 107/GP-BTNMT ngày 29/6/2021 của Bộ Tài nguyên Môi trường.

b. Tỷ lệ phân trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng.

Lượng nước thải được cấp phép cao nhất 500 m³/ngày đêm. Hiện tại toàn bộ nước thải công nghiệp, nước thải sinh hoạt và một phần nước mưa đã được xử lý bằng tuần hoàn nên đã triệt tiêu toàn bộ nước thải; không xả nước thải ra môi trường; tiết kiệm mỗi năm khoảng 12 đến 14 triệu m³ nước.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Là đơn vị sản xuất phân bón trên địa bàn thủ đô Hà Nội, công tác bảo vệ môi trường luôn được Công ty chú trọng đặt lên hàng đầu; Công ty đã thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

- Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về môi trường của Nhà nước và thành phố Hà Nội.

- Đã lập báo cáo tác động môi trường (ĐTM) được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Tuân thủ các quy định trong quan trắc môi trường định kỳ và quan trắc hệ thống khí thải tự động liên tục (quan trắc online), trong năm 2021 đã hoàn thành lắp đặt 03/03 trạm quan trắc khí thải tự động liên tục tại 03 lò cao sản xuất phân lân.

- Không ngừng đổi mới các biện pháp giám sát, quản lý, giáo dục về môi trường.

- Không ngừng đầu tư khoa học công nghệ để đảm bảo, cải thiện môi trường.

a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

b. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

Với các biện pháp và kết quả đạt được tại các mục 6.1 đến 6.4 phần II nêu trên; trong năm 2021 các chỉ tiêu về môi trường đều được Công ty thực hiện tốt hơn, đạt và đều thỏa mãn tiêu chuẩn cho phép. Mức tiêu thụ nước, năng lượng, xử lý chất thải luôn ở mức tiết kiệm và tiên tiến

so với thế giới. Do vậy đã góp phần bảo vệ môi trường, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, tiết kiệm tài nguyên, tiết kiệm chi phí sản xuất.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng CBCNV (tính đến ngày 31/12/2021): 332 người

+ Thu nhập bình quân năm 2021: 11.018.000 đồng/người/tháng

+ Hình thức trả lương: Tạm ứng giữa kỳ lương từ ngày 18 đến ngày 20 của tháng; Thanh toán cuối kỳ lương từ ngày 8 đến ngày 15 tháng sau

+ Hàng tháng, quý, năm căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh và những yếu tố kinh tế, xã hội khác, để động viên người lao động trong lao động, đem lại hiệu quả cao trong sản xuất trên cơ sở quỹ tiền lương Công ty chi thêm tiền bổ sung theo lương.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn, phúc lợi cho người lao động:

+ Chế độ làm việc: 8h/ngày; Từ 5 - đến 6 ngày/tuần.

Làm việc theo giờ hành chính bắt đầu 7h30 kết thúc 16h15, trưa nghỉ 45 phút từ 11h30 đến 12h15 ăn cơm.

Công nhân trong dây truyền sản xuất làm việc theo ca: ca 1 bắt đầu từ 7h, kết thúc 15h; Ca 2 bắt đầu 15h kết thúc 23h; ca 3 bắt đầu 23h kết thúc 7h); Trong ca thay nhau nghỉ để ăn giữa ca.

+ Các chế độ nghỉ ốm, thai sản, điều dưỡng: Thực hiện theo luật bảo hiểm xã hội

+ Các chế độ nghỉ phép, chế độ đối với lao động nữ, nuôi con nhỏ: Thực hiện theo quy định của Bộ luật lao động và các văn bản hướng dẫn của Nhà nước.

+ Được cấp phát toàn bộ trang thiết bị BHLĐ.

+ Chính sách thưởng, phúc lợi

- Về tiền thưởng: Căn cứ vào mức độ hoàn thành công việc của người lao động, căn cứ vào nguồn tiền thưởng hàng năm được trích để tính thưởng cho từng người.

- Các chế độ khác: Ngoài được hưởng các chế độ theo bộ luật lao động, luật BHXH người lao động được ăn 2 bữa cơm ca /1 ca làm việc và hàng năm được đi tham quan, nghỉ mát theo quy định của Công ty.

- Chế độ hiếu hỷ thực hiện theo quy chế chi tiêu nội bộ.

- Khám sức khỏe định kỳ hàng năm.

c) Chế độ đào tạo:

- Kinh phí học tập để phục vụ cho nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty do Công ty chi trả 100 %

- Người lao động đi học theo yêu cầu công việc, do Công ty cử đi thì những ngày đi học được hưởng lương theo quy chế trả lương của Công ty

- Người lao động đi học không do Công ty cử đi, hoặc các ngành nghề Công ty không có nhu cầu thì phải tự túc kinh phí và thời gian

- Người lao động tự đi học để nâng cao trình độ chuyên môn phục vụ cho công việc của mình thì tùy theo khả năng tài chính của Công ty, Công ty hỗ trợ một phần kinh phí

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm cộng đồng địa phương:

Năm 2021 đã ủng hộ công tác xã hội, từ thiện số tiền 230,5 triệu đồng bao gồm: quỹ an sinh Tập đoàn 60 triệu đồng, các quỹ khác 170,5 triệu đồng.

IV- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty năm 2021

1- Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Ngay từ đầu năm 2021, hoạt động của ngành sản xuất kinh doanh phân bón trong nước nói chung và của Công ty nói riêng tiếp tục gặp rất nhiều khó khăn, đặc biệt là tiếp tục chịu ảnh hưởng

lớn trực tiếp và từ hệ lụy của dịch Covid-19. Tuy nhiên, với các giải pháp đồng bộ, tích cực trên tất cả các mặt tổ chức, sản xuất kinh doanh; hoạt động của Công ty trong năm 2021 là tương đối ổn định, đạt được hiệu quả và kết quả kinh doanh tốt, cụ thể:

- Về tổ chức: Kiện toàn nhân sự, bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020-2025;
- Về lao động: Đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh;
- Về quản lý: Chặt chẽ, khoa học, bám sát thực tế sản xuất kinh doanh;
- Về công nghệ: Tiếp tục được cải tiến, nâng cao trình độ;
- Về sản xuất: Ổn định, tăng cường tiết giảm chi phí sản xuất, tăng năng suất lao động;
- Về thị trường, tiêu thụ: Thị trường được giữ vững, mở rộng;
- Về tài chính kế toán: Thực hiện đúng quy định của Nhà nước và Công ty; tình hình tài chính của Công ty lành mạnh;
- Về kiểm toán nội bộ: Đã triển khai thực hiện theo quy định.
- Về đầu tư xây dựng: Đáp ứng cơ bản nhu cầu máy móc thiết bị cho sản xuất kinh doanh;
- Về trách nhiệm đối với người lao động, môi trường, xã hội: Đảm bảo việc làm, thu nhập, thực hiện đúng các quy định của Nhà nước về chế độ đối với người lao động; thực hiện đúng các quy định của Nhà nước về môi trường; tích cực tham gia các chương trình xã hội, từ thiện.
- Về thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021: Trong năm 2021, hoạt động của ngành sản xuất kinh doanh phân bón trong nước nói chung và của Công ty nói riêng tiếp tục gặp rất nhiều khó khăn, chịu nhiều ảnh hưởng từ dịch Covid-19, giá nguyên vật liệu tăng, ... Tuy nhiên, Công ty đã đoàn kết, nỗ lực để giữ vững, ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2021 tương đối tốt, đạt và vượt chỉ tiêu, kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông giao, cụ thể:

TT	Chỉ tiêu chính	ĐVT	Thực hiện 2020	KH ĐHCĐ 2021	Thực hiện 2021	So sánh (%)	
						TH/K H	21/20
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	748,123	780,000	839,036	108	112
2	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	15,065	14,547	17,847	123	118
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	27,287	30,000	35,013	117	128
4	Sản lượng sản xuất	Tấn	227.304	236.500	245.530	104	108,
4.1	Phân lân	Tấn	192.020	200.000	211.186	106	110
4.2	Phân Supetecmo	Tấn	-	-	-		
4.3	Phân NPK các loại	Tấn	35.284	36.500	34.344	94	97
5	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	225.931	236.500	242.085	102	107
5.1	Phân lân	Tấn	191.192	200.000	203.917	102	107
5.2	Phân Supetecmo	Tấn	3	-	-	-	-
5.3	Phân NPK các loại	Tấn	34.736	36.500	38.168	105	110

2- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc:

Trong năm 2021, Ban Tổng giám đốc Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo định hướng, chỉ đạo của Hội đồng quản trị; góp phần giúp Công ty thực hiện và hoàn thành vượt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 đã được Đại hội đồng cổ đông giao trong bối cảnh ngành phân bón gặp rất nhiều khó khăn, giá cả nguyên nhiên vật liệu đầu vào tăng cao và chịu nhiều tác động và hệ lụy của dịch bệnh Covid-19. Đặc biệt ghi nhận sự nỗ lực và chỉ đạo sát sao của Ban Tổng giám đốc trong công tác phòng chống và ứng phó với dịch Covid-19 để giữ vững hoạt động sản xuất kinh doanh và đạt vượt mức tiêu, kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được giao; giữ vững, bảo toàn và phát triển vốn hiệu quả.

3- Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị năm 2022:

Sau khi xem xét các mặt hoạt động của Công ty năm 2021 và dự kiến tình hình năm 2022, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Tổng giám đốc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2022 để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua, cụ thể như đã nêu ở mục 4.b phần III nêu trên.

Để thực hiện được kế hoạch đề ra, cần thực hiện các giải pháp sau đây:

a- Không ngừng nâng cao hiệu lực và hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị trên cơ sở tuân thủ chặt chẽ các quy định của Pháp luật và của Công ty; đảm bảo tạo điều kiện tối đa và phát huy năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý, điều hành;

- Tăng cường phối hợp với Ban kiểm soát để nâng cao hiệu quả kiểm soát hoạt động của Công ty;

- Tiếp tục bổ sung, hoàn thiện hệ thống văn bản quản trị nội bộ, làm cơ sở cho mọi hoạt động của Công ty, đảm bảo mọi hoạt động của Công ty tiếp tục hoàn thiện với mục tiêu phát triển bền vững;

- Tiếp tục kiện toàn đội ngũ cán bộ quản lý, điều hành để đáp ứng đòi hỏi ngày càng cao của hoạt động sản xuất kinh doanh;

- Tiếp tục triển khai thực hiện Kết luận nội dung tố cáo số 8990/KL-BCT ngày 06 tháng 11 năm 2018 của Bộ Công Thương;

- Kiểm tra, rà soát, đánh giá công tác đầu tư xây dựng và dự án của Công ty.

2- Hội đồng quản trị định hướng, chỉ đạo, giám sát Ban điều hành thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Kiện toàn khâu cán bộ; cải tiến công tác quản lý trên nguyên tắc tinh giảm đúng người, đúng việc; nâng cao chất lượng cán bộ, hiệu quả công việc; đào tạo và đào tạo lại, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty trong tình hình mới;

- Tập trung cao độ, linh hoạt, bám sát thực tế trong công tác quản lý, điều hành;

- Tập trung phát triển và giữ vững thị trường tiêu thụ;

- Chú trọng nhân tố con người; *M*

- Áp dụng các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động, tiết giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm;
- Phát triển sản phẩm mới; củng cố và mở rộng thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước;
- Triển khai các dự án đảm bảo hiệu quả;
- Đảm bảo vệ sinh môi trường-an toàn lao động theo quy định của Nhà nước.
- Thực hiện đúng các chế độ, đảm bảo việc làm, thu nhập, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động. Quan tâm, hưởng ứng các phong trào xã hội, từ thiện do địa phương và các tổ chức phát động.
- Tuân thủ các quy định về phòng chống dịch Covid-19; xây dựng biện pháp ứng phó kịp thời với diễn biến phức tạp của dịch Covid-19; đồng thời áp dụng các biện pháp để đảm bảo an toàn, ổn định và giữ vững sản xuất trong điều kiện dịch Covid-19 đang diễn biến ngày càng phức tạp.

V- Quản trị công ty

1- Hội đồng quản trị:

a- Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị tại thời điểm báo cáo:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần cá nhân/đại diện sở hữu (%)	Chức danh thành viên HĐQT tại các Công ty khác
1	Phùng Ngọc Bộ	Chủ tịch HĐQT	- Sở hữu cá nhân: 0 - Đại diện sở hữu: 27,06	
2	Nguyễn Thị Xuân Quyên	Thành viên HĐQT	- Sở hữu cá nhân: 0 - Đại diện sở hữu: 25	
3	Văn Hồng Sơn	Thành viên HĐQT	- Sở hữu cá nhân: 0,04 - Đại diện sở hữu: 15,04	
4	Nguyễn Ngọc Thạch	Thành viên HĐQT	- Sở hữu cá nhân: 0,03 - Đại diện sở hữu: 24,46	Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Hoàng Ngân. Địa chỉ: Vũ Duy Thanh, Bích Đào, Ninh Bình.
5	Phạm Thị Hoàng Yến	Thành viên HĐQT độc lập	- Sở hữu cá nhân: 0,41 - Đại diện sở hữu: 0	

Ghi chú:

- Các thành viên từ mục 1 đến mục 3: Đại diện sở hữu cho cổ đông lớn là Tập đoàn Hóa Chất Việt Nam;
- Thành viên mục 4: Đại diện sở hữu cho cổ đông lớn là Công ty TNHH Hoàng Ngân;
- Thành viên mục 5: Thành viên HĐQT độc lập.
- Tại thời điểm báo cáo, số lượng và cơ cấu nhân sự Hội đồng quản trị Công ty như sau:
 - + Số lượng: 5 thành viên; *hh*

+ Cơ cấu: 4 thành viên đại diện sở hữu của cổ đông lớn; 01 thành viên HĐQT độc lập

b- Các tiểu ban của Hội đồng quản trị: Không có

c- Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong bối cảnh khó khăn của ngành sản xuất kinh doanh phân bón trong nước nói chung và của Công ty nói riêng; để nâng cao hiệu quả hoạt động quản trị Công ty và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 được Đại hội đồng cổ đông giao; Hội đồng quản trị đã nêu cao quyết tâm, đoàn kết nhất trí, thường xuyên tổ chức các cuộc họp (trong năm đã tổ chức 4 cuộc họp chính thức và 20 lần tổ chức lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản). Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị tập trung vào các vấn đề sau:

- Trình Đại hội đồng cổ đông bầu bổ sung nhân sự Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020-2025;

- Sửa đổi, sửa đổi Điều lệ Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020 và các văn bản hướng dẫn liên quan.

- Sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ của Công ty theo đúng quy định hiện hành của Pháp luật, Điều lệ Công ty và phù hợp thực tế hoạt động của Công ty;

- Xây dựng và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị theo đúng quy định hiện hành của Pháp luật, Điều lệ Công ty và phù hợp thực tế hoạt động của Công ty;

- Chỉ đạo, giám sát các mặt hoạt động của Công ty như tài chính kế toán, tiêu thụ sản phẩm, tiết giảm chi phí trong sản xuất kinh doanh-đầu tư xây dựng; giải quyết các tồn tại của Dự án đầu tư xây dựng “Nhà máy sản xuất phân lân nung chảy và phân bón NPK Văn Điển tại Bim Sơn, Thanh Hóa”; dự án Nhà máy sản xuất phân bón NPK Thái Bình.

- Xem xét, giải quyết kịp thời các đề xuất của Ban điều hành;

- Triển khai thực hiện Kết luận nội dung tố cáo số 8990/KL-BCT ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Bộ Công Thương.

* Các Nghị quyết, Quyết định, Thông báo của Hội đồng quản trị năm 2021:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT	05/01/2021	1- Nghi nhận Báo cáo về nội dung sự việc liên quan đến hai bộ khung kho nhà thép tiền chế thuộc Dự án ĐTXD công trình Nhà máy phân bón NPK Thái Bình. 2- Thông qua nội dung Tờ trình 487/TTr-PLVĐ ngày 28/12/2020 của Tổng giám đốc về việc kiểm tra lại chất lượng hai bộ khung kho nhà thép tiền chế thuộc Dự án ĐTXD công trình Nhà máy phân bón NPK Thái Bình.
2	02/QĐ-HĐQT	06/01/2021	Quyết định thành lập Tổ kiểm tra chất lượng hai bộ khung kho nhà thép tiền chế thuộc Dự án ĐTXD công trình Nhà máy phân bón NPK Thái Bình.
3	08/NQ-HĐQT	09/02/2021	Chấp thuận để Tổng giám đốc Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển ký hợp đồng với Công ty TNHH Hoàng

			Ngân đề thuê dịch vụ vận chuyển và thuê dịch vụ thuê kho trong năm 2021 phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh của Công ty (theo đề nghị tại Tờ trình số 14/TTr-PLVĐ ngày 28/02/2021 của Tổng giám đốc).
4	09/NQ-HĐQT	09/02/2021	Thông báo về việc: 1- Ký kết Hợp đồng mua bán quặng Sceptin và Hợp đồng mua bán Xi măng. 2- Về việc ký kết Hợp đồng thuê kho.
5	13/NQ-HĐQT	23/2/2021	1- Ban hành Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021. 2- Ghi nhận các chỉ tiêu thực hiện Kế hoạch sản xuất trong quý I năm 2021.
6	14/TB-HĐQT	23/2/2021	Thông báo về công tác quy hoạch cán bộ.
7	17/NQ-HĐQT	03/3/2021	Quyết định về việc phê duyệt tổng quỹ tiền lương thực hiện năm 2020 của Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển.
8	18/TB-HĐQT	03/3/2021	Thông báo về việc ghi nhận Báo cáo số 46/BC-PLVĐ ngày 23/02/2021 của Tổng giám đốc.
9	21/NQ-HĐQT	09/3/2020	Triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển.
10	22/TB-HĐQT	09/3/2021	Thông báo về việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển.
11	23/NQ-HĐQT	10/3/2021	Phê duyệt kế hoạch tuyển dụng năm 2021 của Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển.
12	28/TB-HĐQT	26/3/2021	Thông báo về công tác đầu tư xây dựng năm 2021 của Công ty.
13	29/QĐ-HĐQT	15/5/2020	Ban hành Kế hoạch triển khai quy trình quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển giai đoạn 2021-2026.
14	30/NQ-HĐQT	29/3/2021	1- Hoãn việc triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển năm 2021 theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐQT ngày 09/3/2021 như đã công bố. 2- Triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển năm 2021.
15	31/TB-HĐQT	29/3/2021	Thông báo về Báo cáo số 68/BC-PLVĐ ngày 09/3/2021 của Tổng giám đốc về việc xử lý Đơn tố giác tội phạm tham nhũng.
16	32/TB-HĐQT	29/3/2021	Thông báo về Báo cáo ngày 11/3/2021 của Tổ kiểm tra chất lượng về chất lượng hai bộ khung kho nhà thép tiền chế thuộc Dự án ĐTXD công trình Nhà máy sản xuất NPK Thái Bình.

17	33/TB-HĐQT	29/3/2021	Thông báo về việc hoãn và thay đổi thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển.
18	34/QĐ-HĐQT	29/3/2021	Quyết định thành lập Ban kiểm tra tư cách đại biểu tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.
19	37/QĐ-HĐQT	12/4/2021	1- Phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện Dự án đầu tư theo Quyết định số 74/QĐ-HĐQT ngày 07/10/2020 của Hội đồng quản trị từ quý IV năm 2020 sang năm 2021. 2- Hội đồng quản trị ủy quyền cho Tổng giám đốc phê duyệt các bước tiếp theo theo quy định về quản lý đầu tư để lựa chọn nhà thầu. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện việc mua sắm thiết bị tuân thủ theo quy định của Luật đấu thầu và quy định của Công ty.
20	38/NQ-HĐQT	13/4/2021	Không thông qua việc ký kết Phụ lục hợp đồng với người liên quan trong năm 20201 theo nội dung Tờ trình 109/TTr-PLVĐ ngày 31/3/2021 của Tổng giám đốc.
21	44/NQ-HĐQT	23/4/2021	1- Thông qua nội dung các tài liệu phục vụ Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty năm 2021. 2- Giao Tổng giám đốc tiếp tục chuẩn bị các tài liệu liên quan (nếu có), trình HĐQT thông qua để phục vụ Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty năm 2021. 3- Về nhân sự HĐQT: Tiếp nhận ý kiến xin từ nhiệm của 01 thành viên HĐQT tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty năm 2021; bổ sung nội dung miễn nhiệm 01 thành viên HĐQT và bầu bổ sung 01 thành viên HĐQT vào Chương trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty năm 2021.
22	45/TB-HĐQT	23/4/2021	Thông báo về việc mời tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty năm 2021.
23	56/NQ-HĐQT	11/5/2021	Về việc bổ sung nội dung Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty năm 2021 theo yêu cầu của cổ đông lớn - Công ty TNHH Hoàng Ngân.
24	57/QĐ-HĐQT	11/5/2021	Bổ sung nội dung: “Đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua nội dung không buộc cổ đông phải thực hiện thủ tục chào mua công khai khi mua cổ phiếu nâng tỷ lệ sở hữu cá nhân và những người liên quan (trực tiếp hoặc gián tiếp) vượt mức sở hữu 25%, 35%, 65% và 75% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển” vào chương trình họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 để trình ĐHĐCĐ của Công ty xem xét, quyết định theo quy định.

25	58/TB-HĐQT	11/5/2021	Thông báo gửi Công ty TNHH Hoàng Ngân đối với kiến nghị bổ sung các nội dung vào Chương trình họp ĐHCĐ thường niên năm 2021 của Công ty.
26	60/NQ-HĐQT	18/5/2021	1- Thống nhất bầu ông Phùng Ngọc Bộ giữ chức danh Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển nhiệm kỳ 2020-2025 kể từ ngày 17/5/2021. 2- Ông Phùng Ngọc Bộ có trách nhiệm tiếp nhận bàn giao toàn bộ công việc, hồ sơ tài liệu liên quan từ Chủ tịch HĐQT tiền nhiệm theo quy định.
27	61/QĐ-HĐQT	18/5/2021	Ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển.
28	62/QĐ-HĐQT	18/5/2021	Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển.
29	67/QĐ-HĐQT	11/6/2021	1- Chấm dứt hoạt động Dự án ĐTXD công trình Nhà máy phân bón NPK Thái Bình theo quy định của pháp luật: Luật Đất đai, Luật Đầu tư và các văn bản có liên quan. 2- Giao Tổng giám đốc tổ chức, triển khai thực hiện các thủ tục liên quan để chấm dứt hoạt động Dự án ĐTXD công trình Nhà máy phân bón NPK Thái Bình theo quy định của pháp luật, các quy định liên quan khác và quy định của Công ty.
30	69/QĐ-HĐQT	15/6/2021	1- Phê duyệt kết quả lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ “Kiểm toán báo cáo tài chính soát xét 06 tháng đầu năm 2021 và báo cáo tài chính năm 2020”. 2- Giao Tổng giám đốc chủ động, toàn quyền trong việc tổ chức ký và thực hiện hợp đồng; đảm bảo việc kiểm toán được thực hiện đúng quy định, tiến độ theo quy định của pháp luật và quy định của Công ty.
31	73/NQ-HĐQT	28/6/2021	1- Chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức năm 2020 bằng tiền. 2- Giao Tổng giám đốc triển khai thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và của Công ty.
32	76/NQ-HĐQT	13/7/2021	1- Chấp thuận đề Tổng giám đốc Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển ký kết Phụ lục hợp đồng với Công ty TNHH Hoàng Ngân để thuê dịch vụ vận chuyển năm 2021 (theo đề nghị tại Tờ trình số 207/TTr-PLVĐ ngày 21/6/2021 của Tổng giám đốc). 2- Ghi nhận Báo cáo sản xuất kinh doanh 06 tháng đầu năm và kế hoạch sản xuất kinh doanh quý III năm 2021 (Báo cáo số 231/PL-KH ngày 05/7/2021 của Tổng giám đốc). 3- Về công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý của Công ty giai đoạn 2021-2026 (thực hiện bước 5 Kế hoạch quy

			<p>hoạch theo Quyết định số 29/QĐ-HĐQT ngày 26/3/2021), cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua danh sách “Danh sách nhân sự đưa vào quy hoạch chức danh Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng giai đoạn 2021-2026”. - Quý I hàng năm, đề nghị Tổng giám đốc tổ chức thực hiện rà soát, điều chỉnh bổ sung nhân sự đề nghị đưa vào danh sách quy hoạch theo quy định.
33	77/QĐ-HĐQT	13/7/2021	<p>Chấp thuận đề Tổng giám đốc Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển ký kết Phụ lục hợp đồng với Công ty TNHH Hoàng Ngân để thuê dịch vụ vận chuyển năm 2021 (theo đề nghị tại Tờ trình số 207/TTr-PLVĐ ngày 21/6/2021 của Tổng giám đốc).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời điểm thực hiện tăng giá cước vận chuyển: Kể từ ngày quyết định này được ban hành và có hiệu lực. - Tổng giám đốc ký kết và tổ chức thực hiện phụ lục hợp đồng đảm bảo tuân thủ đúng quy định tại Điều lệ, các Quy chế của Công ty và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.
34	78/QĐ-HĐQT	13/7/2021	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua danh sách “Danh sách nhân sự đưa vào quy hoạch chức danh Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng giai đoạn 2021-2026”. - Quý I hàng năm, đề nghị Tổng giám đốc tổ chức thực hiện rà soát, điều chỉnh bổ sung nhân sự đề nghị đưa vào danh sách quy hoạch theo quy định.
35	80/QĐ-HĐQT	28/7/2021	Thành lập Hội đồng kỷ luật
36	83/NQ-HĐQT	18/8/2021	Thông qua hình thức xử lý trách nhiệm đối với tập thể và cá nhân (liên quan đến BQL Dự án ĐTXD công trình nhà máy sản xuất phân bón NPK Thái Bình).
37	85/QĐ-HĐQT	30/9/2021	Phê duyệt dự án đầu tư mua sắm thiết bị năm 2021
38	87/NQ-HĐQT	20/10/2021	<ul style="list-style-type: none"> - Dừng và không tiếp tục thực hiện việc đàm phán với Công ty CP Đầu tư và xây dựng HUD4; - Khởi kiện Công ty CP Đầu tư và xây dựng HUD4 ra Tòa án nhân dân có thẩm quyền; - Giao TGD tổ chức triển khai thực hiện việc khởi kiện Công ty Đầu tư và xây dựng HUD4.
39	89/NQ-HĐQT	26/10/2021	- Chấp thuận phương án khởi kiện Công ty CP Đầu tư và xây dựng HUD4;

hh

			- Giao TGD tổ chức triển khai thực hiện việc khởi kiện Công ty Đầu tư và xây dựng HUD4 theo phương án đã được phê duyệt.
40	91/NQ-HĐQT	12/11/2021	Về công tác cán bộ của Công ty: - Giao ông Văn Hồng Sơn tiếp tục thực hiện chức trách, nhiệm vụ của TGD Công ty theo Quyết định số 96/QĐ-HĐQT ngày 14/11/2018 của HĐQT đến khi có QĐ mới thay thế (không quá 06 tháng).
41	92/QĐ-HĐQT	12/11/2021	- Giao ông Văn Hồng Sơn tiếp tục thực hiện chức trách, nhiệm vụ của TGD Công ty theo Quyết định số 96/QĐ-HĐQT ngày 14/11/2018 của HĐQT đến khi có QĐ mới thay thế. - Thời gian thực hiện: Từ ngày 14/11/2021,
42	93/TB-HĐQT	12/11/2021	- Thông qua nội dung chính của dự thảo Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm cán bộ của Công ty. - Giao TGD chỉ đạo các đơn vị cá nhân liên quan tiếp thu ý kiến của thành viên HĐQT, hoàn thiện dự thảo Quy chế; trình HĐQT ký ban hành.
43	99/NQ-HĐQT	03/12/2021	1. Ghi nhận Báo cáo sản xuất kinh doanh 09 tháng đầu năm và kế hoạch sản xuất kinh doanh quý IV năm 2021. 2. Thông qua việc thưởng cho các cán bộ quản lý, điều hành của Công ty năm 2020 theo nội dung Tờ trình số 314/TTr-PLVĐ ngày 04/11/2021 của Tổng giám đốc Công ty. 3. Thông qua việc thực hiện kiểm toán nội bộ theo quy định của Nghị định số 05/2019/NĐ-CP theo nội dung Tờ trình số 325/TTr-PLVĐ ngày 12/11/2021 của Tổng giám đốc Công ty. 4. Thông qua việc gỡ bỏ hạn chế chuyển nhượng đối với cổ phiếu chuyển nhượng có điều kiện theo nội dung Tờ trình số 332/TTr-PLVĐ ngày 22/11/2021 của Tổng giám đốc Công ty. 5. Phê duyệt phương án thuê thẩm định giá Dự án đầu tư xây dựng công trình “Nhà máy phân bón NPK Thái Bình” theo nội dung Tờ trình số 334/TTr-PLVĐ ngày 22/11/2021 của Tổng giám đốc Công ty. 6. Thông qua việc sáp nhập phòng Đầu tư xây dựng vào phòng Kỹ thuật của Công ty theo nội dung Tờ trình số 340/TTr-PLVĐ ngày 26/11/2021.
44	100/QĐ-HĐQT	06/12/2021	Thưởng cho các cán bộ quản lý, điều hành của Công ty năm 2020.
45	101/QĐ-HĐQT	06/12/2021	Thông qua việc thực hiện kiểm toán nội bộ theo quy định của Nghị định số 05/2019/NĐ-CP.

46	102/QĐ-HĐQT	06/12/2021	Thông qua việc gỡ bỏ hạn chế chuyển nhượng đối với cổ phiếu chuyển nhượng có điều kiện.
47	103/QĐ-HĐQT	06/12/2021	Phê duyệt phương án thuê thăm định giá Dự án đầu tư xây dựng công trình “Nhà máy phân bón NPK Thái Bình”.
48	104/QĐ-HĐQT	06/12/2021	Sáp nhập phòng Đầu tư xây dựng vào phòng Kỹ thuật của Công ty
49	106/NQ-HĐQT	31/12/2021	<p>Phê chuẩn các nội dung sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Hội đồng quản trị ghi nhận Báo cáo sản xuất kinh doanh trong năm 2021 và kế hoạch sản xuất kinh doanh quý I năm 2022 theo nội dung Báo cáo của Tổng giám đốc. 2. Thống nhất về cơ bản các nội dung của Tờ trình số 361/TTr-PLVĐ ngày 14/12/2021 của Tổng giám đốc Công ty về kế hoạch đầu tư thị trường trong năm 2022. 3. Thông qua về việc ký kết hợp đồng với người liên quan trong năm 2022 để mua quặng Secpentin theo nội dung Tờ trình số 436/TTr-PLVĐ ngày 22/12/2021 của Tổng giám đốc Công ty. 4. Thông qua về việc ký kết hợp đồng với người liên quan trong năm 2022 để thực hiện dịch vụ thuê kho chứa phân bón và vận chuyển phân bón theo nội dung Tờ trình số 440/TTr-PLVĐ ngày 22/12/2021 của Tổng giám đốc Công ty. 5. Thông qua kế hoạch sửa chữa lớn của Công ty trong năm 2022 theo nội dung Tờ trình số 448/TTr-PLVĐ ngày 24/12/2021 của Tổng giám đốc Công ty. 6. Phê duyệt Kế hoạch, chuyên đề Kiểm toán nội bộ và Kết quả lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ “Kiểm toán nội bộ” năm 2021 và năm 2022 theo nội dung Tờ trình số 452/TTr-PLVĐ ngày 24/12/2021 của Tổng giám đốc Công ty; Điều chỉnh thời gian thực hiện Kế hoạch kiểm toán năm 2021 sang tháng 01/2022. 7. Phê duyệt Kế hoạch tuyển dụng lao động năm 2022 theo nội dung Tờ trình số 453/TTr-PLVĐ ngày 24/12/2021 của Tổng giám đốc Công ty. 8. Hội đồng quản trị giao Tổng giám đốc rà soát, nghiên cứu, xây dựng đề trình HĐQT xem xét, quyết định đối với: <ul style="list-style-type: none"> - Quy định về định mức tồn kho của Công ty. - Quy định về định mức tiêu hao của Công ty. - Cơ cấu bộ máy, tổ chức của Công ty.
59	107/QĐ-HĐQT	31/12/2021	Chấp thuận để Tổng giám đốc Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển ký kết Hợp đồng với Công ty trách nhiệm hữu hạn Hoàng Ngân để mua quặng Secpentin trong

			năm 2022 (theo đề nghị tại Tờ trình số 436/TTr-PLVĐ ngày 22/12/2021 của Tổng giám đốc).
60	108/QĐ-HĐQT	31/12/2021	Chấp thuận đề Tổng giám đốc Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển ký kết Hợp đồng với Công ty trách nhiệm hữu hạn Hoàng Ngân để thuê vận chuyển và thuê kho chứa sản phẩm phân bón trong năm 2022 (theo đề nghị tại Tờ trình số 440/TTr-PLVĐ ngày 23/12/2021 của Tổng giám đốc).
61	109/QĐ-HĐQT	31/12/2021	Phê duyệt Kế hoạch sửa chữa lớn năm 2022 của Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển theo nội dung Tờ trình số số 448/TTr-PLVĐ ngày 24/12/2021 của Tổng giám đốc.
62	110/QĐ-HĐQT	31/12/2021	Phê duyệt Kế hoạch tuyển dụng năm 2022 của Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển theo nội dung Tờ trình số số 453/TTr-PLVĐ ngày 24/12/2021 của Tổng giám đốc.
63	111/QĐ-HĐQT	31/12/2021	Phê duyệt Kế hoạch, chuyên đề Kiểm toán nội bộ và Kết quả lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ Kiểm toán nội bộ năm 2021 và năm 2022 của Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển theo nội dung Tờ trình số số 452/TTr-PLVĐ ngày 24/12/2021 của Tổng giám đốc.

d-Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: Hoạt động từ tháng 7/2020 (sau khi được bầu làm thành viên HĐQT độc lập nhiệm kỳ 2020-2025).

e- Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: không có

f-Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các khóa đào tạo: Không có

2- Ban Kiểm soát:

2.1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS):

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Trình độ chuyên môn
1	An Ninh Tuấn	Trưởng BKS	28/6/2020	Cử nhân kinh tế
2	Nguyễn Thị Vân Hoa	Thành viên	28/6/2020	
3	Nguyễn Thị Sơn	Thành viên	28/6/2020	

2.2. Hoạt động của Ban Kiểm soát:

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	An Ninh Tuấn	4/4	100%	100%	
2	Nguyễn Thị Vân Hoa	4/4	100%	100%	

3	Nguyễn Thị Sơn	4/4	100%	100%	
---	----------------	-----	------	------	--

Trong năm 2021, Ban kiểm soát đã tổ chức họp để triển khai các công việc và tiến hành các hoạt động phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật, cụ thể:

- Kiểm tra việc tuân thủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- Kiểm soát việc tuân thủ thực hiện Điều lệ, Quy chế và các quy định nội bộ của Công ty;
- Kiểm soát việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh;
- Kiểm soát công tác tài chính kế toán, thẩm định Báo cáo tài chính bán niên và Báo cáo tài chính năm 2021;
- Kiểm tra công tác điều hành giá bán sản phẩm, công tác tiêu thụ, ký kết các hợp đồng bán sản phẩm, mua nguyên vật liệu đầu vào phục vụ sản xuất kinh doanh, quản lý công nợ, tiêu hao nguyên vật liệu...
- Kiểm tra công tác ĐTXDCB.
- Kiểm tra việc thực hiện công bố thông tin.
- Phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội cổ đông thông qua theo quy định.

3- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát:

a/ Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng năm 2021:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tiền thù lao (đ)	Tiền lương (đ)	Tiền thưởng (đ)	Tổng cộng (đ)
I	Thành viên Hội đồng quản trị					
1	Phùng Ngọc Bộ	Chủ tịch HĐQT	48.000.000		3.000.000	51.000.000
1	Lê Ngọc Quang	Nguyên Chủ tịch HĐQT	24.000.000		11.440.000	35.440.000
2	Nguyễn Ngọc Thạch	Thành viên HĐQT	60.000.000		20.800.000	80.800.000
3	Nguyễn Thị Xuân Quyên	Thành viên HĐQT	60.000.000		20.800.000	80.800.000
4	Phạm Thị Hoàng Yến	Thành viên HĐQT độc lập	60.000.000		14.400.000	74.400.000
II	Thành viên HĐQT/Ban điều hành					
1	Văn Hồng Sơn	Thành viên. HĐQT, Tổng giám đốc	60.000.000	623.951.359	39.280.000	723.231.359
2	Phạm Quang Trung	Phó Tổng Giám đốc		440.822.740	19.600.000	460.422.740
3	Chu Văn Thước	Phó Tổng Giám đốc		326.287.065	19.920.000	346.207.565
III	Ban kiểm soát					
1	An Ninh Tuấn	Trưởng BKS		341.016.752	13.000.000	354.016.752
3	Nguyễn Thị Vân Hoa	Kiểm soát viên	48.000.000		7.500.000	55.500.000
4	Nguyễn Thị Sơn	Kiểm soát viên	48.000.000		7.500.000	55.500.000

IV	Kế toán trưởng					
1	Nguyễn Thị Sen	Phụ trách kế toán		363.879.808	16.600.000	380.479.808

b- Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và những người có liên quan, cổ đông lớn trong năm 2021: Không có.

c- Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ, người có liên quan, cổ đông lớn trong năm 2021:

STT	Tổ chức/cá nhân thực hiện giao dịch	Quan hệ với Công ty/người nội bộ	Hợp đồng với Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển
1	Công ty TNHH Hoàng Ngân	Cổ đông lớn/Người có liên quan của Ông Nguyễn Ngọc Thạch-thành viên Hội đồng quản trị Công ty	1- Dịch vụ vận chuyển hàng hóa 2- Dịch vụ thuê kho chứa hàng.

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty: Được thực hiện đúng theo các quy định hiện hành.

VI. Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán

(Được đính kèm theo).

Xác nhận của Người đại diện
theo pháp luật của Công ty
TỔNG GIÁM ĐỐC



Văn Hồng Sơn